

**CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI & KHAI THÁC
KHOÁNG SẢN DƯƠNG HIẾU**

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2019

Thái Nguyên, tháng 06 năm 2020

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

ANNUAL REPORT

(Ban hành kèm theo Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06 tháng 10 năm 2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán)

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN/ANNUAL REPORT

Tên Công ty/Name of Company: Công ty cổ phần thương mại & khai thác khoáng sản Dương Hiếu/ Duong Hieu trading and Mining joint stock Company

Năm báo cáo/Year: 2019

I. Thông tin chung/ General information

1. Thông tin khái quát/ General information

- Tên giao dịch/ Trading name: Công ty CP Thương Mại & Khai thác khoáng sản Dương Hiếu
 - Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số/ Certificate of business registration No: 4600341471
 - Vốn điều lệ/ Charter capital: 313.961.800.000VNĐ (Ba trăm mười ba tỷ, chín trăm sáu mươi một triệu, tám trăm nghìn đồng)
 - Vốn đầu tư của chủ sở hữu/ Owner's capital:
 - Địa chỉ/ Address: 1309 ngõ 1581 đường 3/2, tổ 20 Phường Trung Thành, Tp Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên/ No.1309, Lane 1581, 3/2 street, group 20, Trung Thanh Ward, Thai Nguyen City, Thai Nguyen province, Vietnam
 - Số điện thoại/ Telephone: 020803-832410
 - Số fax/ Fax: 020803-835942
 - Website: www.duonghieu.com.vn
 - Mã cổ phiếu / Securities code DHM
- * Quá trình hình thành và phát triển/ Incorporation and development process:

- Quá trình hình thành và phát triển:

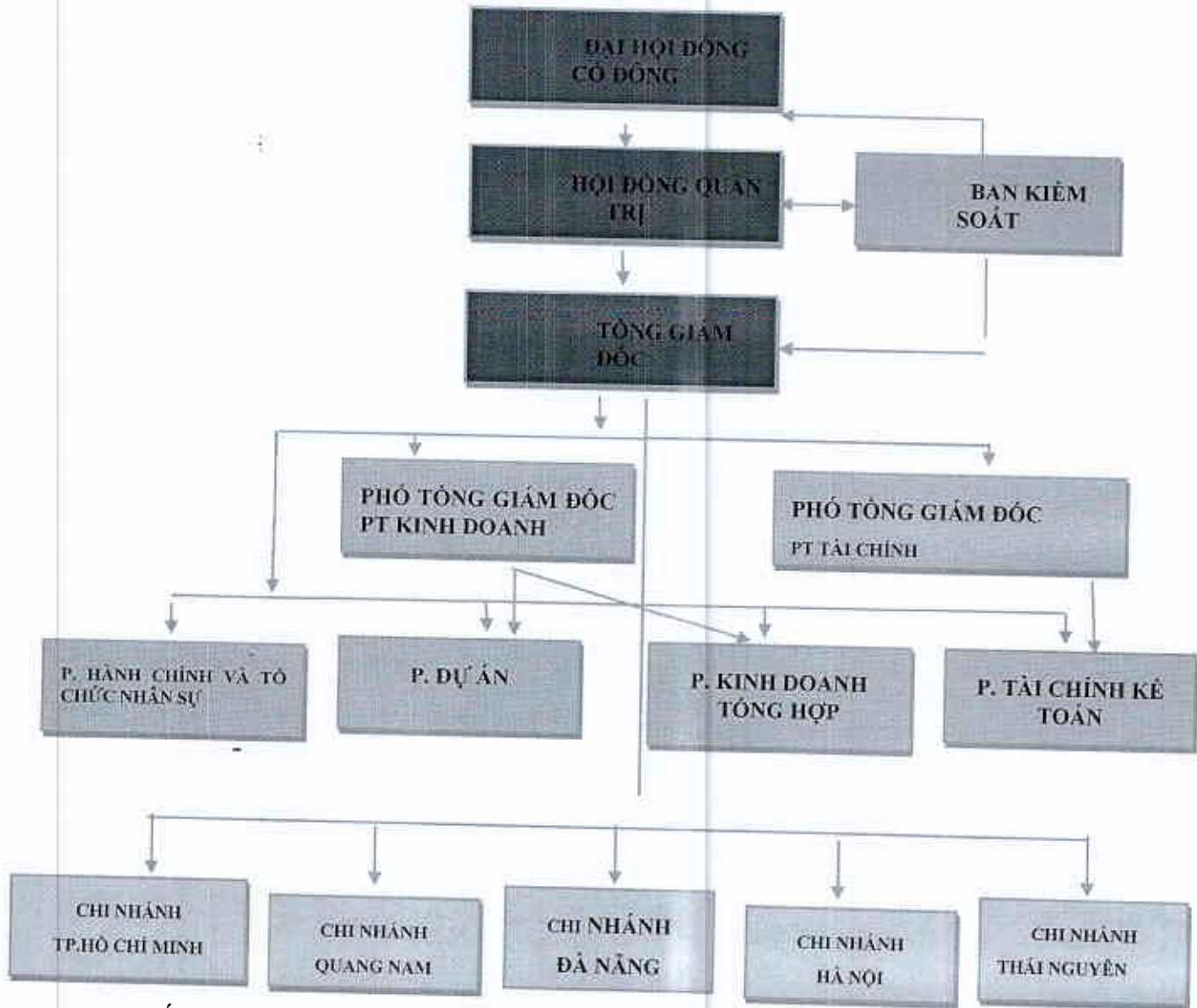
- + Công ty cổ phần thương mại & khai thác khoáng sản Dương Hiếu tiền thân là công ty TNHH thương mại Dương Hiếu được thành lập ngày 30/6/2003, thay đổi lần thứ 28 ngày 31 tháng 07 năm 2019.
- + Ngày 24/7/2012 công ty đã niêm yết thành công 16.000.000 cổ phiếu tại Sở giao dịch chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh đánh dấu một bước đi mới.
- + Hiện tại, công ty đã thành lập 05 chi nhánh tại Hà Nội, Hồ Chí Minh, Đà Nẵng, Quảng Nam và Thái Nguyên.

2. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh/ Lines and locations of the business:

- Kinh doanh vật liệu chịu lửa.
- Mua bán sắt thép.

- Mua bán thiết bị điện.
 - Mua bán quặng sắt.
 - Mua bán đá ốp lát, thiết bị vệ sinh cao cấp.
 - Địa bàn kinh doanh/*Location of business*: Thị trường kinh doanh chính của công ty tại Hà Nội, TP Hồ Chí Minh, Đà Nẵng, Hải Phòng và các thành phố lớn trên toàn quốc.
3. *Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý/ Information about governance model, business organization and managerial apparatus*

Mô hình quản trị/ Governance model



- Cơ cấu bộ máy quản lý/ *Management structure*:

Đại hội đồng cổ đông: Đại hội đồng cổ đông là cơ quan có quyền quyết định cao nhất, gồm tất cả cổ đông có quyền biểu quyết, họp mỗi năm ít nhất một lần. ĐHĐCĐ quyết định những vấn đề được Luật pháp và Điều lệ Công ty quy định. ĐHĐCĐ thông qua các báo cáo tài chính hàng năm của Công ty và ngân sách tài chính cho năm tiếp theo, bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban Kiểm soát của Công ty...

Hội đồng quản trị: Hội đồng Quản trị do ĐHĐCĐ bầu ra, là cơ quan quản lý cao nhất của Công ty, có nghĩa vụ quản trị Công ty giữa hai kỳ đại hội. HĐQT có 05 thành viên. Số lượng thành viên HĐQT mỗi nhiệm kỳ do ĐHĐCĐ quyết định. Nhiệm kỳ hoạt động của HĐQT là 05 năm.

Hiện tại, HĐQT của Công ty có 05 thành viên, nhiệm kỳ là 05 (năm) năm:

- Ông Dương Hữu Hiếu: Chủ tịch HĐQT
- Ông Trần Thanh Tùng: Phó Chủ tịch HĐQT
- Ông Nguyễn Thành Vương: Ủy viên HĐQT (miễn nhiệm ngày 18/9/2019)
- Ông Nguyễn Việt Hải: Ủy viên HĐQT
- Ông Văn Tiến Đức: Ủy viên HĐQT

Ban giám đốc: Ban Giám đốc do HĐQT bổ nhiệm, có nhiệm vụ tổ chức điều hành và quản lý mọi hoạt động sản xuất kinh doanh hàng ngày của Công ty theo chiến lược, kế hoạch đã được HĐQT và ĐHĐCĐ thông qua. Tổng Giám đốc là người đại diện theo pháp luật của Công ty.

Hiện tại, Ban Giám đốc của Công ty gồm các thành viên:

- Ông Dương Hữu Hiếu: Tổng Giám Đốc
- Ông Trần Thanh Tùng: Phó Tổng Giám Đốc
- Bà Mai Thị Phương Hà: Phó Tổng giám đốc

Ban Kiểm soát: Ban Kiểm soát do ĐHĐCĐ bầu ra, có nhiệm vụ thay mặt cổ đông để kiểm soát mọi hoạt động kinh doanh, quản trị và điều hành Công ty.

Hiện tại, Ban Kiểm soát có 03 thành viên, nhiệm kỳ 05 (năm) năm, cụ thể:

- Ông Dương Xuân Trường : Trưởng ban
- Bà Trương Thị Tuyết : Thành viên
- Bà Nguyễn Thị Oanh : Thành viên (Bỏ nhiệm ngày 29/3/2019)
- Bà Nguyễn Thị Thương Huyền : Thành viên (Miễn nhiệm ngày 29/3/2019)

Kế toán trưởng: Kế toán trưởng của Công ty do HĐQT bổ nhiệm, miễn nhiệm. Kế toán trưởng chịu trách nhiệm tổ chức, chỉ đạo thực hiện công tác kế toán, thống kê, hoạch toán kinh tế và công tác tài chính của Công ty và thực hiện các công việc theo ủy quyền của Tổng Giám đốc Công ty.

Hiện tại kế toán trưởng công ty là Bà: Đặng Thiều Hoa.

Các phòng ban nghiệp vụ:

Phòng Hành chính và tổ chức nhân sự: Có chức năng quản lý tổng vụ và quản lý nhân sự, tiền lương, BHXH, các chính sách cho người lao động về an toàn lao động, bảo hiểm lao động, các chính sách đào tạo, bồi dưỡng, khen thưởng kỷ luật, thực hiện công tác tổ chức hành chính, văn phòng.

Phòng Tài chính - Kế toán: Có chức năng quản lý tài chính của Công ty, thực hiện các nghiệp vụ kế toán theo đúng chế độ hạch toán kế toán hiện hành của bộ tài chính quy định.

Phòng Kinh doanh tổng hợp: Có chức năng trong việc xác định mục tiêu, chiến lược, phương hướng hoạt động tiếp thị và kinh doanh sản phẩm, thực hiện nhiệm vụ mở rộng thị trường, tìm kiếm đối tác.

Phòng Dự án: Xây dựng và triển khai các dự án theo kế hoạch của công ty.

*** Các công ty liên kết:**

| Tên công ty | Địa chỉ | Lĩnh vực KD chính | Vốn điều lệ | Tỷ lệ sở hữu tính đến ngày 31/12/2019 |
|--|---|---|-----------------|---------------------------------------|
| Công ty cổ phần khai khoáng luyện kim Bắc Việt | 378A Lạc Long Quân, Xuân La, Tây Hồ, Hà Nội | Khai thác, chế biến khoáng sản (trừ các loại khoáng sản nhà nước cấm); | 300.000.000.000 | 45% |
| Công ty cổ phần công nghệ thương mại và đầu tư Hưng Phát | Số 052, phố Ngọc Uyển, p. Phố Mới, tp Lào Cai, tỉnh Lào Cai | Kinh doanh thương mại về tư liệu sản xuất công nghiệp, cơ điện, xây dựng, thủy điện, thủy lợi | 120.000.000.000 | 31.67% |

*** Các công ty con: Không có**

4. Định hướng phát triển/ Development orientations

- Các mục tiêu chủ yếu của Công ty/ *Main objectives of the Company:*

+ Tiếp tục phát triển kinh doanh các mặt hàng truyền thống.

+ Là một trong những đơn vị cung cấp các mặt hàng đá ốp lát với chất lượng cao trên thị trường.

- Chiến lược phát triển trung và dài hạn: *Mục tiêu của công ty Dương Hiếu trở thành công ty có quy mô hoạt động hiệu quả, cung cấp ra thị trường những mặt hàng có chất lượng tốt nhất đáp ứng được nhu cầu và thị hiếu khách hàng.*

- Các mục tiêu đối với môi trường, xã hội và cộng đồng của Công ty: Tăng cường biện pháp phòng ngừa, đảm bảo an toàn cho con người và tài sản trong quá trình hoạt động kinh doanh.

5. Các rủi ro/ Risks

- Rủi ro về tỷ giá: Năm 2019 là năm biến động tỷ giá không lớn tuy nhiên cũng làm ảnh hưởng trực tiếp đến kết quả hoạt động kinh doanh của công ty. Các hợp đồng mua vào của công ty hầu hết phải thanh toán bằng ngoại tệ, trong khi đó hợp đồng bán ra phải tính giá quy đổi ra Việt Nam đồng ngay từ thời điểm ký hợp đồng cho nên đến thời điểm thanh toán cho nước ngoài tỷ giá ngoại tệ tăng lên đã làm thiệt hại cho hoạt động kinh doanh của công ty đáng kể.

- Rủi ro về sự thay đổi các chính sách và các văn bản pháp luật.

II. Tình hình hoạt động trong năm/ *Yearly Operations*

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh/ *Situation of production and business operations:*

| Chỉ tiêu | Kế hoạch năm 2019 (tỷ đồng) | Thực hiện năm 2019 (tỷ đồng) | Mức độ hoàn thành kế hoạch |
|---------------------------|-----------------------------|------------------------------|----------------------------|
| Doanh thu thuần, trong đó | 800 | 1,112 | 139% |
| Lợi nhuận trước thuế | 30 | 7.1 | 24% |
| Lợi nhuận sau thuế | 24 | 4.7 | 20% |
| Thu nhập /cổ phiếu (đồng) | 921 | 194 | 21% |

Tổng doanh thu năm 2019 là 1.112.418 triệu đồng, đạt 139% mức kế hoạch, lợi nhuận sau thuế là: 4.674 triệu đồng, đạt 20% so với kế hoạch đề ra.

2. Tổ chức và nhân sự/ *Organization and Human resource*

- Danh sách Ban điều hành:

| TT | Danh sách ban điều hành | Chức vụ | CMTND ngày cấp, nơi cấp | Chỗ ở hiện tại | Số lượng cổ phiếu có quyền biểu quyết |
|----|-------------------------|-------------------|---|---|---------------------------------------|
| 1 | Ông Dương Hữu Hiếu | Tổng giám đốc | 013314148. Công an Hà Nội cấp ngày 14/6/2012 | SN 7, tầng 3 nhà G03, KĐT Nam Thăng Long, Xuân La, Tây Hồ, Hà Nội | 6.634.393 |
| 2 | Ông Trần Thanh Tùng | Phó Tổng giám đốc | 090726505. Công an Thái Nguyên cấp ngày 06/5/2016 | Ngõ 321 Đ. Dương Tự Minh, P. Tân Long, TP Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên | 532.860 |
| 3 | Bà Mai Thị Phương Hà | Phó Tổng giám đốc | 06618400000 9. Cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư cấp ngày 24/6/2015 | Chung cư Sông Nhuệ Kiến Hưng, Hà Đông, Hà Nội | 21 |
| 4 | Bà Đặng Thiều Hoa | Kế toán trưởng | 01313406 9 CA Hà Nội cấp ngày 25/7/2013 | Số 11, ngõ 251, Vũ Hữu, Thanh Xuân, Hà Nội | 0 |

- Những thay đổi trong ban điều hành: Năm 2019 công ty không có thay đổi trong ban điều hành.
- Số lượng cán bộ, nhân viên. Tóm tắt chính sách và thay đổi trong chính sách đối với người lao động./Number of staffs. Summary and changes of the employee policies.

+ Số lượng cán bộ, công nhân viên công ty gồm: 02 thạc sỹ, 41 Đại học, 11 cao đẳng, 11 trung cấp và 21 lao động phổ thông.

+ Xác định rõ lao động là nguồn lực quý giá nên Công ty đã xây dựng và ban hành quy chế về lương thưởng và các chế độ đãi ngộ cho người lao động, tôn trọng quá trình trao đổi thương lượng thực hiện, quy chế dân chủ tại nơi làm việc tạo môi trường, văn hóa của doanh nghiệp hướng tới người lao động.

3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án/ Investment activities, project implementation:

a. Các khoản đầu tư lớn/ Major investments: Không có

b. Các công ty con, công ty liên kết:

- Công ty đã đầu tư vào công ty CP khai khoáng luyện kim Bắc Việt (“Công ty Bắc Việt”) với số vốn góp là 135 tỷ đồng tương đương 45% vốn điều lệ tại công ty Bắc Việt. Giá quặng sắt thấp nên công ty liên doanh (Công ty Bắc Việt) trong năm 2019 vẫn tạm ngừng sản xuất. Việc đầu tư vào dự án của Công ty Bắc Việt đến thời điểm hiện tại vẫn chưa có lợi nhuận.

- Công ty cổ phần công nghệ thương mại và đầu tư Hưng Phát (“Công ty Hưng Phát”) tại thành phố Lào Cai: Công ty đã góp vốn vào công ty Hưng Phát 38 tỷ đồng chiếm 31.67% vốn điều lệ của Công ty. Doanh số năm 2019 đạt 68 tỷ đồng, lợi nhuận 944 triệu đồng, tập trung phát triển kinh doanh thương mại các ngành hàng phục vụ sản xuất công nghiệp, thủy điện, xây dựng.

c. Thực hiện dự án nhà hàng Thuần Việt: Thực hiện theo nghị quyết tại Đại hội đồng cổ đông thường niên 2019 hội đồng quản trị đã trình Đại hội đồng cổ đông thông qua việc điều chỉnh phương án sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán cổ phần tăng vốn điều lệ để xây dựng Nhà hàng từ **24.260.436.208 VNĐ** lúc ban đầu thành **36.361.937.572 VNĐ**. Sau khi điều chỉnh thiết kế mở rộng công năng công ty đã tiến hành triển khai thi công. Như đã báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019 “việc vận hành dịch vụ nhà hàng đòi hỏi phải có chuyên môn sâu về lĩnh vực này. Vì vậy, bên cạnh phương án tiếp tục thực hiện dự án nhà hàng Thuần Việt HDQT đưa thêm phương án chuyển nhượng toàn bộ, hoặc chuyển nhượng một phần, hoặc cho thuê”. Tuy nhiên, đến thời điểm hiện tại dự án vẫn chưa triển khai được như kế hoạch đề ra tại Đại hội năm 2019. Tính đến ngày 31/12/2019 số tiền đã sử dụng cho dự án là **25.536.193.112 VNĐ**, số tiền còn lại chưa dùng cho dự án theo phương án là **10.825.744.460 VNĐ**. Nhận thấy không đủ chuyên môn sâu về dịch vụ nhà hàng cũng như chuyên môn về quản lý nhà hàng nên công ty

quyết định dừng, không tiếp tục thực hiện dự án xây dựng nhà hàng, số tiền còn lại của dự án Hội đồng quản trị sẽ trình ĐHCĐ bổ sung cho vốn lưu động. Công ty sẽ cố gắng tìm kiếm đối tác có nhu cầu để chuyển nhượng toàn bộ dự án hoặc cho thuê trong thời gian sớm nhất có thể.

4. Tình hình tài chính/ *Financial situation*:

a) Tình hình tài hình/ *Financial situation*:

ĐVT: Triệu đồng

| STT | Chỉ tiêu/ <i>Financial Figure</i> | Năm/Year 2018 | Năm/Year 2019 | Tỷ lệ tăng, giảm |
|-----|--|------------------|------------------|---------------------|
| 1 | Tổng giá trị tài sản/ <i>Total asset</i> | 610.998 | 569.287 | (6,83%) |
| 2 | Doanh thu thuần/ <i>Net revenue</i> | 898.529 | 1.112.418 | 23,80% |
| 3 | Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/ <i>Profit from operating activities</i> | 10.273 | 11.057 | (2,10%) |
| 4 | Lợi nhuận khác/ <i>Other profits</i> | (2.320) | (3.980) | (71,55%) |
| 5 | Lợi nhuận trước thuế/ <i>Profit before tax</i> | 7.953 | 7.076 | (11,01%) |
| 6 | Lợi nhuận sau thuế/ <i>Profit after tax</i> | 6.311 | 4.674 | (25,94%) |

b) Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu/ *Major financial benchmarks*:

| Chỉ tiêu/ <i>Benchmarks</i> | Năm/Year 2018 | Năm/Year 2019 | Ghi chú/ <i>Note</i> |
|--|------------------|------------------|----------------------|
| 1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán/ <i>Solvency ratio</i> | | | |
| + Hệ số thanh toán ngắn hạn/ <i>Current ratio</i> : Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn (<i>Short term Asset/Short term debt</i>) | 1,17 | 1,30 | |
| + Hệ số thanh toán nhanh/ <i>Quick ratio</i> : (Tài sản ngắn hạn - Hàng tồn kho)/Nợ ngắn hạn (<i>Short term Asset - Inventories Short term</i>)/ <i>Debt</i> | 0,87 | 0,72 | |
| 2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn/ <i>capital structure Ratio</i> | | | |
| +Hệ số Nợ/Tổng tài sản (<i>Debt/Total assets ratio</i>) | 42,08% | 37,13% | |
| +Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu (<i>Debt/Owners' Equity ratio</i>) | 72,65% | 59,05% | |
| 3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động/ <i>Operation capability Ratio</i> | | | |
| + Vòng quay hàng tồn kho/ <i>Inventory turnover</i> : Giá vốn hàng bán/Hàng tồn kho bình quân (<i>Cost of goodssold/Average inventory</i>) | 10,46 | 10,62 | |

| | | | |
|--|-------|-------|--|
| Doanh thu thuần/Tổng tài sản(Net revenue/ TotalAssets) | 1,47 | 1,95 | |
| 4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời/ Target on Profitability | | | |
| + Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần (profit after tax/ Net revenue Ratio) | 0,70% | 0,42% | |
| + Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu (profit after tax/ total capital Ratio) | 1,78% | 1,31% | |
| + Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản (profit after tax/ Total assets Ratio) | 1,03% | 0,82% | |
| + Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần (Operating profit/ Net revenue Ratio) | 1,14% | 0,99% | |

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu/ Shareholders structure, change in the owner's equity.

a. Cổ phần/Shares:

Tổng số cổ phần đang lưu hành/Specify total number and types of floating shares:
31.396.180 cổ phần.

Số lượng cổ phần chuyển nhượng tự do/number of freely transferable shares:
31.396.180 Cổ phần.

Số lượng cổ phần hạn chế/number of preferred shares in accordance: 0 cổ phần.

b. Cơ cấu cổ đông/Shareholders structure: Nêu cơ cấu cổ đông phân theo các tiêu chí tỷ lệ sở hữu (cổ đông lớn, cổ đông nhỏ); cổ đông tổ chức và cổ đông cá nhân; cổ đông trong nước và cổ đông nước ngoài, cổ đông nhà nước và các cổ đông khác/Specify shareholders structure by ownership proportion (major, minority shareholders); institutional and individual shareholders; domestic and foreign shareholders; State and other shareholders).

- Cổ đông từ 5% trở lên nắm giữ: 6.634.393 cổ phần 21.13 % vốn điều lệ.
- Cổ đông nắm giữ từ 1% - dưới 5%: 18.851.889 cổ phần chiếm 60.05 % vốn điều lệ.
- Cổ đông nắm giữ dưới 1%: 5.909.898 cổ phần chiếm 18.82 % vốn điều lệ.
- Cổ đông tổ chức nắm giữ: 4.535.731 cổ phần chiếm 14.45 % vốn điều lệ.
- Cổ đông cá nhân nắm giữ: 26.860.449 cổ phần chiếm 85.55% vốn điều lệ.
- Cổ đông trong nước nắm giữ: 31.337.821 cổ phần chiếm 99.81% vốn điều lệ.
- Cổ đông nước ngoài nắm giữ: 58.359 cổ phần chiếm 0.19% vốn điều lệ.
- Cổ đông nhà nước nắm giữ: 0 cổ phần chiếm 0% vốn điều lệ.
- Cổ đông khác nắm giữ: 31.396.180 cổ phần chiếm 100% vốn điều lệ.

c. Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu/ Change in the owner's equity: Không thay đổi.

d. Giao dịch cổ phiếu quỹ/ *Transaction of treasury stocks*:

Số lượng cổ phiếu quỹ: 0 cổ phiếu.

Giao dịch cổ phiếu quỹ: không có.

e. Các chứng khoán khác/ *Other securities*: Không có.

III. Báo cáo và đánh giá của Ban Giám đốc/ *Report and assessment of the Board of Management*

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh/ *Assessment of operating results*

Kinh tế - xã hội Việt Nam năm 2019 diễn ra trong bối cảnh tình hình kinh tế thế giới tiếp tục tăng trưởng chậm lại. Căng thẳng thương mại giữa Mỹ - Trung và vấn đề chính trị càng làm gia tăng đáng kể tính bất ổn của hệ thống thương mại toàn cầu, gây ảnh hưởng không nhỏ tới nền kinh tế của nước ta. Năm 2019 kinh tế vĩ mô ổn định, lạm phát được kiểm soát thấp nhất trong 3 năm qua, nhìn chung nền kinh tế của nước ta tăng trưởng so với các nước trong khu vực. Bên cạnh những thuận lợi từ kết quả tăng trưởng tích cực nhưng cũng phải đối mặt không ít khó khăn, thách thức. Giá quặng sắt vẫn thay đổi thất thường. Đây là mặt hàng sản xuất chính của công ty liên doanh mà công ty đã góp vốn và nắm giữ 45% vốn điều lệ. Chính vì giá quặng bất ổn và không cao nên công ty liên doanh hiện vẫn tạm ngừng không sản xuất nên nguồn vốn đầu tư của công ty góp vào năm nay vẫn chưa mang lại lợi nhuận. Mặc dù vậy thị trường đá ốp lát lại đang trên đà khởi sắc, công ty mở rộng kinh doanh sang lĩnh vực đá ốp lát và đã đạt được những kết quả tích cực rõ rệt.

- Dự án Nhà Hàng Thuần Việt khởi công vào tháng 12/2017, đã hoàn thành 80% khối lượng xây dựng phần thô, đã điều chỉnh thiết kế, bổ sung công năng.
- Chi nhánh Quảng Nam duy trì hoạt động kinh doanh ổn định.
- Các mặt hàng kinh doanh truyền thống của công ty vẫn ổn định.

Tổng doanh thu năm 2019 là 1.112.419 triệu đồng, đạt 139% mức kế hoạch, lợi nhuận sau thuế là: 4.674 triệu đồng, đạt 20% so với kế hoạch đề ra. Nguyên nhân lợi nhuận không đạt kế hoạch đề ra là do. Lợi nhuận chủ yếu là từ mảng kinh doanh thương mại. Kinh doanh sắt thép phải có vốn lâu dài, công ty có nguồn vốn hạn chế, không có vốn dài hạn nên mua nhanh bán nhanh, biên độ lợi nhuận rất thấp. Mặt hàng truyền thống ổn định, tuy nhiên doanh số không cao. Vì thế lợi nhuận gộp thấp và không đạt được kết quả như kế hoạch đề ra.

- Những tiến bộ công ty đã đạt được: Giữ vững các mặt hàng truyền thống. Cùng cố phát triển ngành hàng kinh doanh đá ốp lát, bước đầu đã tạo được thương hiệu đối với khách hàng tiềm năng trong lĩnh vực xây dựng.

2. Tình hình tài chính/ *Financial Situation*

Đơn vị tính: Triệu đồng

| STT | Chỉ tiêu | Tại ngày | Tại ngày | So sánh |
|-----|----------|----------|----------|---------|
|-----|----------|----------|----------|---------|

| | | 01-01- 2019 | 31-12- 2019 | Mức tăng/giảm | Tỷ lệ tăng/giảm |
|-----------|------------------------------------|----------------|----------------|------------------|--------------------|
| I | TỔNG TÀI SẢN | 610,999 | 569,287 | (41,712) | -6.83% |
| A | Tài sản ngắn hạn | 300,780 | 273,842 | (26,938) | -8.96% |
| 1 | Tiền và các khoản tương đương tiền | 9,174 | 37,867 | 28,693 | 312.76% |
| 2 | Các khoản phải thu ngắn hạn | 211,895 | 111,861 | -100,034 | -47.21% |
| 3 | Hàng tồn kho | 78,181 | 121,915 | 43,734 | 55.94% |
| 4 | Tài sản ngắn hạn khác | 1,530 | 2,199 | 669 | 43.73% |
| B | Tài sản dài hạn | 310,219 | 295,445 | -14,774 | -4.76% |
| 1 | Các khoản phải thu dài hạn | 9,054 | 3,186 | -5,868 | -64.81% |
| 2 | Tài sản cố định | 95,851 | 92,667 | -3,184 | -3.32% |
| 3 | Tài sản dở dang dài hạn | 18,029 | 24,914 | 6,885 | 38.19% |
| 4 | Các khoản đầu tư tài chính dài hạn | 183,000 | 173,000 | -10,000 | -5.46% |
| 5 | Tài sản dài hạn khác | 4,285 | 1,678 | -2,607 | -60.84% |
| II | TỔNG NGUỒN VỐN | 610,989 | 569,289 | -41,700 | -6.83% |
| C | Nợ phải trả | 257,102 | 211,358 | -45,744 | -17.79% |
| 1 | Nợ ngắn hạn | 256,497 | 211,201 | -45,296 | -17.66% |
| 2 | Nợ dài hạn | 605 | 157 | -448 | -74.05% |
| D | Vốn chủ sở hữu | 353,887 | 357,931 | 4,044 | 1.14% |
| 1 | Vốn góp của chủ sở hữu | 313,962 | 313,962 | 0 | 0.00% |
| 2 | Thặng dư vốn cổ phần | (143) | (143) | - | |
| 3 | Quỹ đầu tư phát triển | 29,021 | 30,284 | 1,263 | 4.35% |
| 4 | Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối | 11,047 | 13,828 | 2,781 | 25.17% |

Một số nhận xét thể hiện trong báo cáo như sau:

2.1. Về tình hình quản lý tiền mặt: Tiền và các khoản tương đương tiền tại thời điểm 31/12/2019 là: 9.174 triệu đồng, chiếm 6,65% tổng tài sản. Chỉ tiêu này được xác lập tại thời điểm Công Ty đang tập trung nguồn tài chính để chuẩn bị nhập hàng phục vụ một số dự án, hợp đồng mới được ký kết thực hiện trong quý I năm 2020.

2.2. Về tình hình quản lý công nợ phải thu: Các khoản phải thu tại thời điểm 31/12/2019 giảm 47,21% so với cùng thời điểm năm 2018, do công ty đã có các chính sách hiệu quả trong quản lý công nợ phải thu.

2.3. Về tình hình quản lý hàng tồn kho: Hàng tồn kho tăng 55,94% so với năm 2018, chỉ tiêu này được xác lập vào thời điểm công ty đang chuẩn bị nguồn hàng cho các hợp đồng chuẩn bị thực hiện vào đầu năm 2020.

2.4 Về tình hình quản lý công nợ phải trả: Giảm 17,79% so với năm 2018, thể hiện việc công ty đã khống chế tốt việc thanh toán với các nhà cung cấp, duy trì ổn định quan hệ đối tác, có uy tín cao để có được chính sách tốt hơn về giá và sản phẩm.

2.5. Về tình hình quản lý các khoản vay tín dụng:

- Công ty tận dụng các nguồn vốn chủ sở hữu trong kinh doanh nhằm tiết giảm chi phí lãi vay, vì thế nợ ngắn hạn được kiểm soát hợp lý, giảm 17,66% so với năm 2018.

- Nợ dài hạn tại ngày 31.12.2019 là 157 triệu đồng, chỉ chiếm 0,03% tổng tài sản, cho thấy nguồn vốn của công ty chủ yếu được hình thành từ nguồn vốn chủ sở hữu, thể hiện sự chủ động về tài chính của công ty.

2.6. Về cơ cấu tài sản và nguồn vốn:

Cơ cấu vốn, nguồn vốn của Công ty hiện tại là hợp lý, thể hiện khả năng độc lập, tự chủ về tài chính. Các chỉ tiêu cụ thể như sau:

| STT | Chỉ tiêu | Năm 2018 | Năm 2019 | So sánh tăng giảm |
|------------|---------------------------------------|----------|----------|-------------------|
| I | Cơ cấu tài sản | | | |
| 1 | Tỷ lệ tài sản ngắn hạn/ tổng tài sản | 49.23% | 48.10% | -1.12% |
| 2 | Tỷ lệ tài sản dài hạn/ tổng tài sản | 50.77% | 51.90% | 1.12% |
| II | Cơ cấu nguồn vốn | | | |
| 1 | Tỷ lệ nợ phải trả/ tổng nguồn vốn | 42.08% | 37.13% | -4.95% |
| 2 | Tỷ lệ vốn chủ sở hữu/ tổng nguồn vốn | 57.92% | 62.87% | 4.95% |
| III | Khả năng thanh toán | | | |
| 1 | Khả năng thanh toán nhanh (lần) | 0.87 | 0.72 | -0.15 |
| 2 | Khả năng thanh toán hiện hành (lần) | 1.17 | 1.30 | 0.12 |
| IV | Tỷ lệ sinh lời | | | |
| 1 | Lợi nhuận trước thuế/ doanh thu thuần | 0.89% | 0.64% | -0.25% |
| 2 | Lợi nhuận trước thuế/ vốn chủ sở hữu | 2.25% | 1.98% | -0.27% |
| V | Năng lực hoạt động | | | |
| 1 | Vòng quay các khoản phải thu (vòng) | 1.11 | 0.61 | -0.51 |
| 2 | Doanh thu thuần/ tổng tài sản (vòng) | 1.47 | 1.95 | 0.48 |

- **Về cơ cấu tài sản:** Trong năm 2019, với mục tiêu duy trì trọng tâm đầu tư chiều sâu và đẩy nhanh vòng quay vốn lưu động, nên cơ cấu tài sản có sự chuyển dịch nhẹ từ tài sản ngắn hạn sang tài sản dài hạn với mức thay đổi 1,12%.

- **Về cơ cấu nguồn vốn:** Việc chuyển dịch 4,95% từ nợ phải trả sang vốn chủ sở hữu thể hiện sự tự chủ của công ty về tài chính, giảm bớt sự lệ thuộc vào nguồn vốn vay.
- **Về khả năng thanh toán:** Chỉ tiêu khả năng thanh toán hiện hành >1 thể hiện khả năng thanh khoản tốt, điều này giúp doanh nghiệp nâng cao uy tín đối với các đối tác và nhận được nhiều ưu đãi hơn trong quá trình hợp tác kinh doanh.
- **Về năng lực hoạt động:** Các chỉ tiêu thể hiện năng lực hoạt động có sự thay đổi nhẹ, thể hiện sự tăng trưởng ổn định mang tính chiều sâu.

Kết luận: Mặc dù các chỉ tiêu về khả năng sinh lời có phần sụt giảm nhẹ tuy nhiên công ty vẫn đạt được các mục tiêu tăng trưởng ổn định, bền vững.

3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý/ *Improvements in organizational structure, policies, management.*

- Dừng kịp thời việc xây dựng nhà hàng khi nguồn lực thực hiện dự án không có đủ.
- Thoái vốn toàn bộ phần vốn góp tại công ty cổ phần KTKS Miền Trung sau nhiều năm đầu tư nhưng không mang lại hiệu quả.
- Phân quyền cho giám đốc bộ phận, trưởng các phòng ban để đảm bảo tính hiệu quả và nhanh chóng trong việc triển khai các công việc theo kế hoạch chung.
- Thực hiện công tác kiểm soát nội bộ thông qua các hoạt động giám sát đối với các phòng ban, bộ phận, các chi nhánh nhằm đảm bảo các hoạt động được thực hiện hiệu quả.
- Kiểm soát chặt chẽ chi phí hoạt động của toàn Công ty như tiền lương, tiền công, chi phí bảo trì, bảo hành, chi phí bán hàng, chi phí quản lý...
- Đánh giá và theo dõi bám sát tình hình kinh doanh hàng tháng, từ đó có những điều chỉnh kịp thời trước những biến động của thị trường để hoạt động của Công ty được ổn định và hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch của năm.
- Tăng cường công tác thu hồi công nợ, giảm nợ đọng.

4. Kế hoạch phát triển trong tương lai/ *Development plans in the future:*

Ngay từ đầu năm toàn thế giới đã phải gánh chịu dịch Covid 19 xuất phát từ Trung Quốc và nhanh chóng lan rộng ra các nước trên thế giới làm ảnh hưởng trực tiếp đến việc xuất nhập khẩu hàng hóa giữa các nước. Việt Nam cũng gánh chịu sự thiệt hại lớn từ dịch lần này. Hiện tại, các mặt hàng của công ty đều nhập khẩu từ các nước Châu Âu, Mỹ và các nước Châu Á nên bị ảnh hưởng trực tiếp tới hoạt động của công ty. Hàng hóa trên đường vận chuyển quốc tế đều phải chọn cách tránh chuyển tải qua Trung Quốc dẫn đến hàng hóa bị kẹt tại cảng chuyển tải làm cho tình trạng hàng hóa về bị chậm ảnh hưởng tới tiến độ các dự án. Các mảng kinh doanh sắt thép cũng gặp khó khăn. Kinh tế Việt Nam bước sang năm 2020 được đánh giá là năm gặp nhiều khó khăn, thử thách. Từ các nhận định tình hình kinh tế trong và ngoài nước như trên Ban giám đốc đề ra kế hoạch kinh doanh chung cho năm 2020 như sau:

- Phát triển các mặt hàng kinh doanh hiện tại của công ty.
- Đẩy mạnh công tác tuyển dụng nhân sự vào các vị trí còn thiếu.

- Thúc đẩy công tác thu hồi công nợ.
- Giám sát và đánh giá thường xuyên các dự án công ty đang triển khai đầu tư và góp vốn. Nếu việc góp vốn không có tính khả thi cao cần phải xem xét và có phương án trình Hội đồng quản trị thoái vốn kịp thời để đầu tư vào các công ty có hoạt động kinh doanh tốt hơn.
- Nâng cao hiệu quả sử dụng vốn linh hoạt, đảm bảo nguồn vốn đủ để đáp ứng được mục tiêu đầu tư, kinh doanh của công ty.
- Nỗ lực phát triển thị trường và tìm kiếm khách hàng mới.
- Nâng cao chất lượng sản phẩm và dịch vụ nhằm xây dựng uy tín với khách hàng.
- Thực hiện đầy đủ các nghị quyết của Hội đồng quản trị, đảm bảo hoàn thành các chỉ tiêu sản xuất kinh doanh đã đề ra.

5. *Giải trình của Ban Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán (nếu có)- (Trường hợp ý kiến kiểm toán không phải là ý kiến chấp thuận toàn phần):*

Dịch bệnh Covid-19 bùng phát bất ngờ từ giữa tháng 3-2020, đúng vào thời gian đơn vị kiểm toán thực hiện các thủ tục, nghiệp vụ kiểm toán báo cáo tài chính kỳ kế toán kết thúc vào 31-12-2019. Các đơn vị, tổ chức phải tự cách ly, phòng chống lây lan dịch bệnh, khiến đơn vị không hoàn thành được báo cáo tài chính đúng thời hạn quy định. Vì thế, Công ty đã làm công văn gửi UBCKNN xin gia hạn thời gian công bố báo cáo tài chính năm 2019 chậm nhất đến ngày 31-05-2020 và được UBCKNN chấp thuận. Do thời gian thực hiện kiểm toán kéo dài, đơn vị kiểm toán và Công ty Dương Hiếu không thống nhất được các điều kiện phát sinh nên hai bên nhất trí thanh lý hợp đồng kiểm toán đã ký. Vào ngày 03-04-2020, chúng tôi bổ nhiệm đơn vị kiểm toán mới là Công ty TNHH Kiểm Toán AFC Việt Nam - Chi Nhánh Hà Thành thực hiện kiểm toán đối với Báo cáo tài chính năm 2019. Tại ngày 31-12-2019, chúng tôi đã kiểm kê Tiền mặt và Hàng tồn kho, các số dư tiền mặt và hàng tồn kho của Công ty là có thực và không có sự sai khác đối với số liệu đang được ghi nhận trên sổ sách và Báo cáo tài chính của Công ty. Tuy nhiên, do Công ty TNHH Kiểm Toán AFC Việt Nam - Chi Nhánh Hà Thành được bổ nhiệm kiểm toán vào thời điểm đầu tháng 4 năm 2020 nên đã không thể tham gia chứng kiến kiểm kê vào thời điểm 31-12-2019, trước thời điểm được bổ nhiệm.

Kết quả kinh doanh năm 2018 của đơn vị liên kết - Công ty Cổ Phần Khai Khoáng Luyện Kim Bắc Việt - được ghi nhận sau thời điểm lập báo cáo tài chính năm 2018 của Công ty Dương Hiếu. Ban Tổng Giám đốc Công ty đánh giá tại ngày 31/12/2018 Công ty chưa phải trích lập dự phòng cho khoản đầu tư vào Công ty CP Khai khoáng Luyện kim Bắc Việt với giá trị ước tính 11.974.495.749 đồng, do tại thời điểm 31/12/2018 khoản đầu tư này chưa phát sinh tổn thất. Đồng thời, các khoản đầu tư tài chính của Công ty CP Khai khoáng Luyện kim Bắc Việt tính theo giá thị trường tại ngày 31/12/2018 là có lãi và có thể gia tăng trong tương lai nên vẫn đảm bảo bù đắp các chi phí đầu tư tài chính và có lợi nhuận. Bên cạnh đó, thực tế kết quả hoạt động kinh doanh

năm 2019 có lãi và bù đắp đủ khoản lỗ năm 2018 nên không phát sinh khoản dự phòng đầu tư cần trích lập đối với khoản đầu tư này.

Căn cứ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và căn cứ vào đánh giá của Ban Tổng Giám Đốc Công ty về thực tế kết quả kinh doanh trong năm 2019 của đơn vị liên kết, Ban Tổng Giám đốc Công ty cho rằng việc ghi nhận các chỉ tiêu tài chính liên quan trên Báo cáo tài chính như đã được trình bày là phù hợp.

IV. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty /Assessments of the Board of Management on the Company's operation .

1. *Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty, trong đó có đánh giá liên quan đến trách nhiệm môi trường và xã hội.*

- Về kết quả kinh doanh: Năm 2019 doanh số của công ty vượt kế hoạch đề ra 39%; lợi nhuận đạt 20% kế hoạch.
- Về tình hình tài chính: Cơ cấu tài sản, nguồn vốn của công ty theo chiều an toàn. Công ty đã kiểm soát tốt tình hình tài chính, thực hiện việc luân chuyển nguồn vốn lưu động phù hợp với kế hoạch kinh doanh.
- Về công tác quản trị: Thực hiện đúng các quy chế, điều lệ và các nghị quyết ban hành.
- Về nhân sự: Bổ nhiệm và bãi nhiệm các vị trí phù hợp.

2. *Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Giám đốc công ty/Assessment of Board of Directors on Board of Management' performance:*

Hoạt động giám sát của HĐQT với Ban giám đốc thực hiện theo đúng Điều lệ công ty, Quy chế quản trị công ty:

- Chỉ đạo và giám sát Ban Giám đốc thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019.
- Chỉ đạo và giám sát Ban Tổng Giám đốc thực hiện kế hoạch kinh doanh, kế hoạch đầu tư năm 2019 đối với các chỉ tiêu đã đề ra tại Đại hội đồng cổ đông năm 2019.
- Yêu cầu Ban Tổng giám đốc lập báo cáo kết quả kinh doanh, tiến độ thực hiện các mục tiêu đề ra, nêu những khó khăn thuận lợi trong công tác điều hành. Trên cơ sở báo cáo của Ban giám đốc, HĐQT đánh giá kết quả điều hành, có chỉ đạo khắc phục tồn tại và tháo gỡ khó khăn.

3. *Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị/Plans, orientations of the Board of Directors*

Năm 2020 được đánh giá là vẫn còn khó khăn, do tình hình bất ổn định trên thế giới. Tuy nhiên các mảng kinh doanh thương mại của công ty năm 2020 sẽ có nhiều thuận lợi hơn năm 2019 do mảng kinh doanh đá ốp lát của công ty đã đi vào ổn định và công ty đã ký được hợp đồng cho các dự án trên cả ba miền Bắc, Trung, Nam.

*** Hội đồng quản trị đề ra kế hoạch năm 2020 như sau:**

- Triển khai thực hiện các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị.
- Kiểm soát chặt chẽ công tác triển khai thực hiện kế hoạch kinh doanh năm 2020 theo Nghị quyết của ĐHCĐ của Ban điều hành.

- Giám sát hệ thống quản trị, quản lý và điều hành.
- Tìm kiếm đối tác, nhà đầu tư có nhu cầu để chuyển nhượng (toàn bộ hoặc một phần) hoặc cho thuê dự án nhà hàng Thuận Việt.

*** Về công tác quản trị:**

- Bổ sung đầy đủ các vị trí nhân sự quản lý còn thiếu, đáp ứng được sự phát triển của công ty.
- Tăng cường công tác đào tạo nội bộ, thường xuyên tổ chức cho các vị trí chủ chốt tham gia các khóa đào tạo nâng cao nghiệp vụ và kỹ năng quản lý điều hành.
- Chia sẻ và bảo vệ quyền lợi hợp pháp tối đa của các cổ đông.
- Ban hành các chính sách lương, thưởng và các chính sách đãi ngộ cho cán bộ công nhân viên có kết quả tốt trong công việc.

V. Quản trị công ty/Corporate governance

1. Hội đồng quản trị/ Board of Directors

a) Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị/*Members and structure of the Board of Directors:*

| TT | Họ và Tên | Chức vụ | Số lượng cổ phần (cp) | Tỷ lệ trên VDL (%) | Tỷ lệ nắm giữ tại công ty khác |
|----|--------------------|-------------------------------------|-----------------------|--------------------|---|
| 1 | Dương Hữu Hiếu | Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng giám đốc | 6.634.393 | 21,13 | |
| 2 | Trần Thanh Tùng | Phó CT. HĐQT kiêm phó Tổng giám đốc | 532.860 | 1.7 | Đại diện cho công ty nắm giữ 45 % tại cty CP khai khoáng luyện kim Bắc Việt |
| 3 | Nguyễn Việt Hải | Thành viên HĐQT | 107.000 | 0.34 | Không có |
| 4 | Nguyễn Thành Vương | Thành viên HĐQT | 0 | 0 | Miễn nhiệm ngày 18/9/2019 |
| 5 | Văn Tiên Đức | Thành viên HĐQT | 0 | 0 | |

b) Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị/*The committees of the Board of Director:*
Không có.

c) Hoạt động của Hội đồng quản trị/*Activities of the Board of Directors:*

Năm 2019 Hội đồng quản trị hoạt động với 05 thành viên gồm 01 chủ tịch, 01 phó Chủ tịch và 03 thành viên. Ngày 18/9/2019 miễn nhiệm ông Nguyễn Thành Vương vì lý do cá nhân xin từ nhiệm. Mỗi thành viên Hội đồng quản trị phụ trách một mảng riêng biệt. Các thành viên đều tham gia đầy đủ các cuộc họp hội đồng quản trị.

| Stt | Số Nghị quyết/ Quyết định | Ngày | Nội dung |
|-----|---------------------------|------|----------|
|-----|---------------------------|------|----------|

| | | | |
|---|-----------------|------------|---|
| 1 | 01/NQ-HĐQT/2019 | 08/01/2019 | Ký phụ lục thuê nhà đặt trụ sở văn phòng làm việc của chi nhánh Hồ Chí Minh |
| 2 | 02/NQ-HĐQT/2019 | 30/01/2019 | Tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019 |
| 3 | 05/NQ-HĐQT/2019 | 10/05/2019 | Phương án đề xuất cấp hạn mức tín dụng tại Ngân hàng TMCP Quân đội – CN Thái Nguyên |
| 4 | 06/NQ-HĐQT/2019 | 23/05/2019 | Thanh lý tài sản trên đất thuê làm trụ sở văn phòng công ty; Lựa chọn đơn vị kiểm toán BCTC năm 2019; Xin ý kiến cổ đông bằng văn bản v/v thay đổi địa chỉ trụ sở văn phòng công ty; Đề nghị cấp hạn mức tín dụng tại Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam – chi nhánh Hà Nội |
| 5 | 09/NQ-HĐQT/2019 | 30/7/2019 | Chuyển nhượng hợp đồng mua bán căn hộ chung cư tại TP Vũng Tàu |
| 6 | 10/NQ-HĐQT/2019 | 18/9/2019 | Miễn nhiệm chức vụ thành viên Hội đồng quản trị |
| 7 | 11/NQ-HĐQT/2019 | 14/10/2019 | Thay đổi người đứng đầu chi nhánh Thái Nguyên và kế hoạch vay vốn tại ngân hàng Vietinbank |
| 8 | 12/NQ-HĐQT/2019 | 07/11/2019 | Thoái vốn tại công ty CP TM & khai thác khoáng sản Miền Trung |

d) Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập/*Activities of independent members of the Board of Directors*: Thành viên Hội đồng quản trị độc lập được phân công phụ trách các mảng nhân sự và tiền lương.

2. Ban Kiểm soát/ *Board of Supervisors*:

a) Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát/*Members and structure of the Board of Supervisors*:

| TT | Họ và Tên | Chức vụ | Số lượng cổ phần (cp) | Tỷ lệ trên VDL (%) | Ghi chú |
|----|-------------------|------------|-----------------------|--------------------|---------|
| 1 | Dương Xuân Trường | Trưởng ban | 0 | 0 | |
| 2 | Trương Thị Tuyết | Thành viên | 0 | 0 | |
| 3 | Nguyễn Thị Oanh | Thành viên | 0 | 0 | |

b) Hoạt động của Ban kiểm soát/*Activities of the Board of Supervisors*:

Trong năm 2019 Ban kiểm soát đã tiến hành 02 cuộc họp, gồm:

| Stt | Số | Ngày | Nội dung |
|-----|----|------|----------|
|-----|----|------|----------|

| | | | |
|---|-----------|------------|---|
| 1 | 01/BB-BKS | 01/4/2019 | Triển khai nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên 2019, phân công nhiệm vụ cho các thành viên và phương hướng hoạt động |
| 2 | 02/BB-BKS | 05/12/2019 | Thực hiện nhiệm vụ rà soát hoạt động của công ty năm 2019 |

- Trong năm 2019 thành viên Ban kiểm soát đã tham dự đầy đủ các cuộc họp của Hội đồng quản trị, trên cơ sở đó đưa ra ý kiến đánh giá, kiến nghị cho Hội đồng quản trị và Ban giám đốc.
 - Phối hợp với HĐQT, Ban giám đốc Công ty, kiểm tra giám sát việc chấp hành, tuân thủ các quy định của pháp luật, điều lệ - quy chế nội bộ công ty trong công tác quản lý, điều hành.
 - Giám sát việc thực hiện các chỉ tiêu đã được Nghị quyết đại hội đồng cổ đông thường niên 2019 thông qua, đặc biệt là các hoạt động đầu tư với các dự án công ty đang triển khai.
3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm soát/ *Transactions, remunerations and interests of the Board of Directors, Board of Management and Board of Supervisors*

a) Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích/ *Salary, rewards, remuneration and benefits:*

| STT | Họ tên | Chức vụ | Lương | Thù lao | Ghi chú |
|-----|--------------------|-----------------------------------|-----------------|------------|------------|
| 1 | Dương Hữu Hiếu | CT.HĐQT kiêm TGD | 238.845.00 0 | | Kiểm nhiệm |
| 2 | Trần Thanh Tùng | Phó CT.HĐQT kiêm Phó TGD | 182.542.50 0 | | Kiểm nhiệm |
| 3 | Mai Thị Phương Hà | Phó TGD | 179.637.500 | | |
| 5 | Nguyễn Việt Hải | TV.HĐQT | | 60.000.000 | |
| 6 | Nguyễn Thành Vương | TV.HĐQT | | 40.000.000 | |
| 7 | Văn Tiến Đức | TV.HĐQT | | 60.000.000 | |
| 8 | Dương Xuân Trường | TV ban KS | | 60.000.000 | |
| 9 | Trương Thị Tuyết | TV ban KS | | 48.000.000 | |
| 10 | Nguyễn Thị Oanh | TV ban KS | | 36.000.000 | |

b) Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ/ *Transactions of internal shareholders:*
không có

c) Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ và người liên quan/ *Contracts or transactions with internal shareholders:*

- Ông Dương Hữu Hiếu (Thành viên HĐQT) và Bà Nguyễn Thị Hoài Giang, Ông Dương Quang Sơn và Bà Nguyễn Thị Kim Loan, Ông Vũ Anh Tuấn và Bà Dương Thị Hào, Ông Ngô Xuân Bình và Bà Dương Thị Hà (Người liên quan của ông Dương Hữu Hiếu) và Công ty cổ phần khai khoáng luyện kim Bắc Việt (công ty liên doanh liên kết) bảo lãnh vốn vay của công ty tại Ngân hàng. (Chi tiết được trình bày tại thuyết minh báo cáo tài chính năm 2019 và nghị quyết họp hội đồng quản trị về đề xuất phương án hạn mức tại ngân hàng số 05/NQ-HĐQT/2019 ngày 10/5/2019 và số 11/NQ-HĐQT2019 ngày 14/10/2019).

- Thực hiện tiếp Hợp đồng giao dịch số 01/HĐTN-CNHCM ngày 20/7/2016 giữa Công ty với Bà Nguyễn Thị Hoài Giang (vợ ông Dương Hữu Hiếu - Chủ tịch Hội đồng quản trị) để thuê căn nhà thương mại S16- Dự án Sài Gòn Pearl - Số 92 Nguyễn Hữu Cảnh, P 12, Q. Bình Thạnh, TP Hồ Chí Minh với tổng diện tích 1500m². Thời hạn thuê trong vòng 10 năm. Giá thuê 20 USD/m²/ tháng. Ngày 18/4/2018 Hội đồng quản trị thông qua việc ký Phụ lục hợp đồng Điều chỉnh diện tích thuê nhà làm trụ sở văn phòng của chi nhánh Hồ Chí Minh, giảm diện tích thuê còn 300m². Ngày 08/01/2019 Hội đồng quản trị họp ký phụ lục điều chỉnh diện tích thuê trụ sở làm việc của chi nhánh Hồ Chí Minh còn 250m².

- Ngày 30/10/2018 Hội đồng quản trị đã thông qua Nghị quyết số 17/NQ-HĐQT/2018 về việc thanh lý Hợp đồng giao dịch số 01/HĐTN-CNHDN/2016 ngày 01/8/2016 giữa Công ty với Bà Nguyễn Thị Hoài Giang (vợ ông Dương Hữu Hiếu – Chủ tịch Hội đồng quản trị) để thuê quyền sử dụng đất tại các lô 81-B1.90, 82-B1.90, 83-B1.90 và 84-B1.90 tại khu đô thị ven sông Hòa Xuân, Phường Hòa Xuân, Quận Cẩm Lệ, TP Đà Nẵng. Thời hạn thuê trong vòng 12 năm. Giá thuê 50.000.000 VNĐ/ tháng. Ngày 02/01/2019 công ty đã hoàn thành việc thu hồi số tiền đặt cọc còn lại.

d) Việc thực hiện các quy định về quản trị công ty/ *Implementation of regulations on corporate governance:* Công ty đã thực tuân thủ và thực hiện đúng các quy chế quản trị và điều lệ hoạt động của công ty.

VI. Báo cáo tài chính/ *Financial statements:*

Ý kiến kiểm toán/ Auditor's opinions: Chúng tôi được bổ nhiệm kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019 của Công ty vào ngày 03 tháng 4 năm 2020, do đó, chúng tôi đã không thể tham gia chứng kiến kiểm kê thực tế tiền mặt và hàng tồn kho tại thời điểm kết thúc năm tài chính. Bằng các thủ tục kiểm toán thay thế, chúng tôi không thể đưa ra ý kiến về tính hiện hữu đối với số dư tiền mặt và hàng tồn kho tại thời điểm kết thúc năm tài chính với giá trị được ghi nhận trên Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2019 với giá trị lần lượt là 34.883.665.393 đồng và 123.843.188.578 đồng.

Như trình bày tại thuyết minh số 5.2 phần thuyết minh báo cáo tài chính, Ban Tổng Giám đốc Công ty đánh giá sẽ không phát sinh tổn thất đối với khoản đầu tư vào Công ty

CP Khai khoáng Luyện kim Bắc Việt do đó không trích lập dự phòng đầu tư tài chính dài hạn tại ngày 31/12/2018. Với các thông tin hiện có, chúng tôi xác định nếu Công ty trích lập khoản dự phòng đầu tư tài chính dài hạn nêu trên thì khoản mục “Đầu tư tài chính dài hạn” trên Bảng cân đối kế toán tại ngày 01/01/2019 sẽ tăng 11.519.389.803 đồng, trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh năm 2018, chỉ tiêu “Chi phí tài chính” sẽ tăng với số tiền 11.519.389.803 đồng và chỉ tiêu “Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp” tại ngày 01/01/2019 sẽ giảm đi tương ứng số tiền là 11.519.389.803 đồng. Đồng thời, tại ngày 31/12/2019 Công ty sẽ hoàn nhập khoản dự phòng đầu tư tài chính dài hạn nêu trên, theo đó trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh năm 2019, chỉ tiêu “Chi phí tài chính” sẽ giảm đi số tiền 11.519.389.803 đồng.

Khoản mục “Đầu tư tài chính dài hạn” và chỉ tiêu “Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp” trên Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2019 của Báo cáo tài chính đính kèm không thay đổi do tại thời điểm 31/12/2019 không phát sinh khoản dự phòng đầu tư tài chính dài hạn cần trích lập đối với khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Khai khoáng Luyện kim Bắc Việt.”

2. Báo cáo tài chính được kiểm toán/Audited financial statements

Báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán bao gồm:

- Bảng cân đối kế toán;
 - Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;
 - Báo cáo lưu chuyển tiền tệ;
 - Bản thuyết minh Báo cáo tài chính theo quy định pháp luật về kế toán và kiểm toán.
- (Toàn văn nội dung báo cáo tài chính đã được công bố tại đường dẫn www.duonghieuv.com.vn)

XÁC NHẬN CỦA ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY
CONFIRMATION BY THE COMPANY'S LEGAL REPRESENTATIVE



FỔNG GIÁM ĐỐC
Dương Hữu Hiếu



**CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI & KHAI THÁC
KHOÁNG SẢN DƯƠNG HIẾU**

Báo cáo tài chính đã được kiểm toán
cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2019

MỤC LỤC

| | Trang |
|--------------------------------------|---------|
| BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC | 2 - 3 |
| BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP | 4 - 5 |
| BÁO CÁO TÀI CHÍNH | |
| Bảng cân đối kế toán | 6 - 7 |
| Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh | 8 |
| Báo cáo lưu chuyển tiền tệ | 9 |
| Bản thuyết minh báo cáo tài chính | 10 - 40 |

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI & KHAI THÁC KHOÁNG SẢN DƯƠNG HIẾU

Số nhà 1309, ngõ 1581, đường 3/2, phường Trung Thành, TP. Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Thương mại và Khai thác Khoáng sản Dương Hiếu (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2019 của Công ty.

1. Thông tin chung

Công ty Cổ phần Thương mại và Khai thác Khoáng sản Dương Hiếu tiền thân là Công ty TNHH Thương mại Dương Hiếu, được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4600341471 đăng ký lần đầu do Sở kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thái Nguyên cấp ngày 30 tháng 06 năm 2003. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần gần đây nhất của Công ty là lần thứ 28 ngày 31 tháng 7 năm 2019.

Công ty có trụ sở chính đăng ký tại: Số nhà 1309, ngõ 1581, đường 3/2, tổ 20, Phường Trung Thành, TP. Thái Nguyên, Tỉnh Thái Nguyên.

2. Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc

Các thành viên của Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm tài chính và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng quản trị

| | |
|----------------------------|--|
| Ông Dương Hữu Hiếu | Chủ tịch |
| Ông Trần Thanh Tùng | Phó Chủ tịch |
| Ông Nguyễn Thành Vương (*) | Thành viên (Miễn nhiệm ngày 18/9/2019) |
| Ông Nguyễn Việt Hải | Thành viên |
| Ông Văn Tiến Đức | Thành viên |

(*) Ông Nguyễn Thành Vương miễn nhiệm thành viên Hội đồng quản trị Công ty kể từ ngày 18/9/2019 theo Nghị quyết số 10/NQ-HĐQT/2019 ngày 18/09/2019 của Hội đồng Quản trị Công ty. Hội đồng quản trị sẽ báo cáo trình Đại hội đồng cổ đông và bầu bổ sung thành viên thay thế tại đại hội gần nhất.

Ban Tổng Giám đốc

| | |
|---------------------------|--|
| Ông Dương Hữu Hiếu | Tổng Giám đốc |
| Ông Trần Thanh Tùng | Phó Tổng Giám đốc |
| Bà Mai Thị Phương Hà (**) | Phó Tổng Giám đốc (Miễn nhiệm ngày 14/01/2020) |

(**) Bà Mai Thị Phương Hà thôi giữ chức vụ Phó Tổng Giám đốc Công ty kể từ ngày 14/01/2020 theo Nghị quyết số 01/NQ-HĐQT/2020 ngày 14/01/2020 của Hội đồng Quản trị Công ty.

Ban Kiểm soát

| | |
|-------------------------|---------------------------------|
| Ông Dương Xuân Trường | Trưởng ban |
| Bà Trương Thị Tuyết | Thành viên |
| Nguyễn Thị Thương Huyền | Thành Viên (Đến ngày 28/3/2019) |
| Bà Nguyễn Thị Oanh | Thành viên (Từ ngày 29/3/2019) |

Người đại diện theo pháp luật của Công ty là Ông Dương Hữu Hiếu - Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc.

3. Đánh giá tình hình kinh doanh

Kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và tình hình tài chính kết thúc cùng ngày được thể hiện trong Báo cáo tài chính đính kèm.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

4. Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán AFC Việt Nam - Chi nhánh Hà Thành được chỉ định kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 của Công ty.

5. Công bố trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc đối với Báo cáo tài chính

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính để phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán.
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng.
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính.
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo các sổ kế toán có liên quan được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính, tình hình hoạt động của Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các sổ kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Ngoài ra, Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06/10/2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán.

6. Phê duyệt báo cáo tài chính

Chúng tôi phê duyệt Báo cáo tài chính đính kèm được trình bày từ trang 06 đến trang 40, báo cáo này đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cùng với bản thuyết minh báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc



DƯƠNG HỮU HIẾU

Tổng Giám đốc

Thái Nguyên, ngày 29 tháng 5 năm 2020



Số: 011/2020/BCKT-HT.00096

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các cổ đông, thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Thương mại & Khai thác Khoáng sản Dương Hiếu

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Thương mại & Khai thác Khoáng sản Dương Hiếu (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 29 tháng 5 năm 2020, từ trang 6 đến trang 40, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

- Chúng tôi được bổ nhiệm kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019 của Công ty vào ngày 03 tháng 4 năm 2020, do đó, chúng tôi đã không thể tham gia chứng kiến kiểm kê thực tế tiền mặt và hàng tồn kho tại thời điểm kết thúc năm tài chính. Bằng các thủ tục kiểm toán thay thế, chúng tôi không thể đưa ra ý kiến về tính hiện hữu đối với số dư tiền mặt và hàng tồn kho tại thời điểm kết thúc năm tài chính với giá trị được ghi nhận trên Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2019 với giá trị lần lượt là 34.883.665.393 đồng và 123.843.188.578 đồng.
- Như trình bày tại thuyết minh số 5.2 phần thuyết minh báo cáo tài chính, Ban Tổng Giám đốc Công ty đánh giá sẽ không phát sinh tổn thất đối với khoản đầu tư vào Công ty CP Khai khoáng Luyện kim Bắc Việt do đó không trích lập dự phòng đầu tư tài chính dài hạn tại ngày 31/12/2018. Với các thông tin hiện có, chúng tôi xác định nếu Công ty trích lập khoản dự phòng đầu tư tài chính dài hạn nêu trên thì khoản mục "Đầu tư tài chính dài hạn" trên Bảng cân đối kế toán tại ngày 01/01/2019 sẽ tăng 11.519.389.803 đồng, trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh năm 2018, chỉ tiêu "Chi phí tài chính" sẽ tăng với số tiền 11.519.389.803 đồng và chỉ tiêu "Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp" tại ngày 01/01/2019 sẽ giảm đi tương ứng số tiền là 11.519.389.803 đồng. Đồng thời, tại ngày 31/12/2019 Công ty sẽ hoàn nhập khoản dự phòng đầu tư tài chính dài hạn nêu trên, theo đó trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh năm 2019, chỉ tiêu "Chi phí tài chính" sẽ giảm đi số tiền 11.519.389.803 đồng.

Khoản mục "Đầu tư tài chính dài hạn" và chỉ tiêu "Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp" trên Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2019 của Báo cáo tài chính đính kèm không thay đổi do tại thời điểm 31/12/2019 không phát sinh khoản dự phòng đầu tư tài chính dài hạn cần trích lập đối với khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Khai khoáng Luyện kim Bắc Việt.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (Tiếp theo)

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của các vấn đề nêu tại đoạn "Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ", báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Thương mại & Khai thác Khoáng sản Dương Hiếu tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 đã được kiểm toán bởi một công ty kiểm toán khác, kiểm toán viên này đã đưa ra ý kiến kiểm toán chấp thuận toàn phần đối với báo cáo tài chính đó vào ngày 18 tháng 03 năm 2019.



(Handwritten signatures in blue ink)

NGUYỄN TRUNG THÀNH

Phó Giám đốc

Giấy chứng nhận Đăng ký hành nghề

Kiểm toán số 1673-2018-009-1

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN AFC VIỆT NAM - CHI NHÁNH HÀ THÀNH

Hà Nội, ngày 29 tháng 5 năm 2020

NGUYỄN THỊ THANH MINH

Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận Đăng ký hành nghề

Kiểm toán số 0068-2018-009-1

CÔNG TY CP THƯƠNG MẠI & KHAI THÁC KHOÁNG SẢN DƯƠNG HIẾU

Số 1309, ngõ 1581, đường 3/2, phường Trung Thành, TP. Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2019

Đơn vị: VND

| TÀI SẢN | Mã số | Thuyết minh | 31/12/2019 | 01/01/2019 |
|--|--------------|--------------------|------------------------|------------------------|
| TÀI SẢN NGẮN HẠN | 100 | | 273.841.534.465 | 300.779.777.388 |
| Tiền và các khoản tương đương tiền | 110 | 5.1 | 37.866.731.759 | 9.174.384.903 |
| Tiền | 111 | | 37.866.731.759 | 9.174.384.903 |
| Các khoản tương đương tiền | 112 | | - | - |
| Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn | 120 | 5.2 | - | - |
| Các khoản phải thu ngắn hạn | 130 | | 111.860.663.986 | 211.894.735.989 |
| Phải thu ngắn hạn của khách hàng | 131 | 5.3 | 119.885.313.533 | 215.971.100.109 |
| Trả trước cho người bán ngắn hạn | 132 | 5.4 | 5.314.945.186 | 10.759.354.020 |
| Phải thu ngắn hạn khác | 136 | 5.5 | 5.058.131.904 | 3.009.060.297 |
| Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi | 137 | 5.6 | (18.397.726.637) | (17.844.778.437) |
| Hàng tồn kho | 140 | 5.7 | 121.914.668.270 | 78.180.887.256 |
| Hàng tồn kho | 141 | | 123.843.188.578 | 78.180.887.256 |
| Dự phòng giảm giá hàng tồn kho | 149 | | (1.928.520.308) | - |
| Tài sản ngắn hạn khác | 150 | | 2.199.470.450 | 1.529.769.240 |
| Chi phí trả trước ngắn hạn | 151 | 5.11 | 895.956.889 | 433.206.566 |
| Thuế GTGT được khấu trừ | 152 | | 1.302.371.616 | 1.086.635.301 |
| Thuế và các khoản phải thu Nhà nước | 153 | 5.15 | 1.141.945 | 9.927.373 |
| TÀI SẢN DÀI HẠN | 200 | | 295.445.855.382 | 310.218.693.833 |
| Các khoản phải thu dài hạn | 210 | | 3.185.550.484 | 9.053.909.481 |
| Phải thu dài hạn khác | 216 | 5.5 | 3.185.550.484 | 9.053.909.481 |
| Tài sản cố định | 220 | | 92.667.452.245 | 95.851.002.247 |
| Tài sản cố định hữu hình | 221 | 5.9 | 13.544.046.098 | 15.273.935.384 |
| - Nguyên giá | 222 | | 25.152.685.086 | 26.619.725.979 |
| - Giá trị hao mòn lũy kế | 223 | | (11.608.638.988) | (11.345.790.595) |
| Tài sản cố định vô hình | 227 | 5.10 | 79.123.406.147 | 80.577.066.863 |
| - Nguyên giá | 228 | | 90.073.584.720 | 90.073.584.720 |
| - Giá trị hao mòn lũy kế | 229 | | (10.950.178.573) | (9.496.517.857) |
| Bất động sản đầu tư | 230 | | - | - |
| Tài sản dở dang dài hạn | 240 | | 24.914.405.920 | 18.028.624.733 |
| Chi phí xây dựng cơ bản dở dang | 242 | 5.8 | 24.914.405.920 | 18.028.624.733 |
| Đầu tư tài chính dài hạn | 250 | 5.2 | 173.000.000.000 | 183.000.000.000 |
| Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết | 252 | | 173.000.000.000 | 173.000.000.000 |
| Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác | 253 | | - | 10.000.000.000 |
| Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn | 254 | | - | - |
| Tài sản dài hạn khác | 260 | | 1.678.446.733 | 4.285.157.372 |
| Chi phí trả trước dài hạn | 261 | 5.11 | 1.678.446.733 | 4.285.157.372 |
| Tài sản dài hạn khác | 268 | | - | - |
| TỔNG CỘNG TÀI SẢN | 270 | | 569.287.389.847 | 610.998.471.221 |

CÔNG TY CP THƯƠNG MẠI & KHAI THÁC KHOÁNG SẢN DƯƠNG HIẾU

Số 1309, ngõ 1581, đường 3/2, phường Trung Thành, TP. Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)

Ngày 31 tháng 12 năm 2019

Đơn vị: VND

| NGUỒN VỐN | Mã số | Thuyết minh | 31/12/2019 | 01/01/2019 |
|--|------------|-------------|------------------------|------------------------|
| NỢ PHẢI TRẢ | 300 | | 211.357.469.737 | 257.111.554.204 |
| Nợ ngắn hạn | 310 | | 211.200.532.237 | 256.506.935.454 |
| Phải trả người bán ngắn hạn | 311 | 5.13 | 56.261.085.718 | 127.259.298.143 |
| Người mua trả tiền trước ngắn hạn | 312 | 5.14 | 21.438.468.218 | 7.240.332.695 |
| Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước | 313 | 5.15 | 2.355.170.112 | 3.828.081.479 |
| Phải trả người lao động | 314 | | 2.234.623.143 | 972.038.714 |
| Chi phí phải trả ngắn hạn | 315 | 5.16 | 1.925.030.179 | 449.465.414 |
| Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn | 318 | | - | 21.700.200 |
| Phải trả ngắn hạn khác | 319 | 5.17 | 277.848.922 | 5.284.033.513 |
| Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn | 320 | 5.12 | 125.726.920.182 | 110.504.275.790 |
| Quỹ khen thưởng, phúc lợi | 322 | | 981.385.763 | 947.709.506 |
| Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ | 324 | | - | - |
| Nợ dài hạn | 330 | | 156.937.500 | 604.618.750 |
| Vay và nợ thuê tài chính dài hạn | 338 | 5.12 | 156.937.500 | 604.618.750 |
| VỐN CHỦ SỞ HỮU | 400 | | 357.929.920.110 | 353.886.917.017 |
| Vốn chủ sở hữu | 410 | 5.18 | 357.929.920.110 | 353.886.917.017 |
| Vốn góp của chủ sở hữu | 411 | | 313.961.800.000 | 313.961.800.000 |
| - Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết | 411a | | 313.961.800.000 | 313.961.800.000 |
| Thặng dư vốn cổ phần | 412 | | (143.500.000) | (143.500.000) |
| Quỹ đầu tư phát triển | 418 | | 30.283.712.489 | 29.021.558.474 |
| Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối | 421 | | 13.827.907.621 | 11.047.058.543 |
| - LNST chưa PP lũy kế đến cuối kỳ trước | 421a | | 9.153.827.521 | 4.736.288.468 |
| - LNST chưa phân phối kỳ này | 421b | | 4.674.080.100 | 6.310.770.075 |
| Nguồn kinh phí và quỹ khác | 430 | | - | - |
| TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN | 440 | | 569.287.389.847 | 610.998.471.221 |

Thái Nguyên, ngày 29 tháng 5 năm 2020

NGƯỜI LẬP BIỂU

KẾ TOÁN TRƯỞNG

TỔNG GIÁM ĐỐC





HÀ THỊ HẢI YẾN

ĐẶNG THIỆU HOA

DƯƠNG HIẾU

CÔNG TY CP THƯƠNG MẠI & KHAI THÁC KHOÁNG SẢN DƯƠNG HIẾU

Số 1309, ngõ 1581, đường 3/2, phường Trung Thành, TP. Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2019

Đơn vị: VND

| CHỈ TIÊU | Mã số | Thuyết minh | Năm 2019 | Năm 2018 |
|--|-----------|-------------|--------------------------|------------------------|
| Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ | 01 | 6.1 | 1.112.418.741.747 | 898.618.532.344 |
| Các khoản giảm trừ doanh thu | 02 | | - | 89.982.000 |
| Doanh thu thuần về bán hàng hoá và cung cấp DV (10=01-02) | 10 | | 1.112.418.741.747 | 898.528.550.344 |
| Giá vốn hàng bán | 11 | 6.2 | 1.062.595.554.785 | 848.653.071.794 |
| Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11) | 20 | | 49.823.186.962 | 49.875.478.550 |
| Doanh thu hoạt động tài chính | 21 | 6.3 | 97.299.523 | 84.097.659 |
| Chi phí tài chính | 22 | 6.4 | 14.124.777.008 | 10.377.385.974 |
| - Trong đó: Chi phí lãi vay | 23 | | 10.051.436.521 | 10.314.742.038 |
| Chi phí bán hàng | 24 | 6.7 | 8.370.364.284 | 8.224.695.408 |
| Chi phí quản lý doanh nghiệp | 25 | 6.8 | 16.368.726.095 | 21.084.361.847 |
| Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+21-22-24-25) | 30 | | 11.056.619.098 | 10.273.132.980 |
| Thu nhập khác | 31 | 6.5 | 784.343.058 | 1.845.094.749 |
| Chi phí khác | 32 | 6.6 | 4.764.416.608 | 4.164.743.158 |
| Lợi nhuận khác (40=31-32) | 40 | | (3.980.073.550) | (2.319.648.409) |
| Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40) | 50 | | 7.076.545.548 | 7.953.484.571 |
| Chi phí thuế TNDN hiện hành | 51 | 6.10 | 2.402.465.448 | 1.642.714.496 |
| Chi phí thuế TNDN hoãn lại | 52 | | - | - |
| Lợi nhuận sau thuế TNDN (60=50-51-52) | 60 | | 4.674.080.100 | 6.310.770.075 |
| Lãi cơ bản trên cổ phiếu | 70 | 6.11 | 133,99 | 187,02 |
| Lãi suy giảm trên cổ phiếu | 71 | 6.11 | 133,99 | 187,02 |

Thái Nguyên, ngày 29 tháng 5 năm 2020

NGƯỜI LẬP BIỂU



HÀ THỊ HẢI YÊN

KẾ TOÁN TRƯỞNG



ĐẶNG THIỆU HOA

TỔNG GIÁM ĐỐC



DƯƠNG HỮU HIẾU

CÔNG TY CP THƯƠNG MẠI & KHAI THÁC KHOÁNG SẢN DƯƠNG HIẾU

Số 1309, ngõ 1581, đường 3/2, phường Trung Thành, TP. Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (theo phương pháp gián tiếp)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2019

Đơn vị: VND

| CHỈ TIÊU | Mã số | Thuyết minh | Năm 2019 | Năm 2018 |
|--|-----------|-------------|------------------------|-------------------------|
| LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH | | | | |
| Lợi nhuận trước thuế | 01 | | 7.076.545.548 | 7.953.484.571 |
| Điều chỉnh cho các khoản | | | | |
| Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT | 02 | | 2.080.931.553 | 2.206.905.765 |
| Các khoản dự phòng | 03 | | 2.481.468.508 | 57.030.299 |
| Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ | 04 | | (5.582.208) | (70.080) |
| Lãi lỗ từ hoạt động đầu tư | 05 | | 4.193.780.207 | (283.527.321) |
| Chi phí lãi vay | 06 | | 10.051.436.521 | 10.314.742.038 |
| Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động | 08 | | 25.878.580.129 | 20.248.565.272 |
| (Tăng)/Giảm các khoản phải thu | 09 | | 111.106.942.281 | (15.340.400.389) |
| (Tăng)/Giảm hàng tồn kho | 10 | | (44.208.640.606) | 7.299.578.743 |
| Tăng/(Giảm) các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế TNDN phải nộp) | 11 | | (60.389.285.862) | 8.620.455.018 |
| (Tăng)/Giảm chi phí trả trước | 12 | | 2.143.960.316 | 2.161.861.482 |
| Tiền lãi vay đã trả | 14 | | (10.046.949.672) | (10.307.939.317) |
| Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp | 15 | | (2.357.442.322) | (2.223.755.608) |
| Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh | 16 | | - | - |
| Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh | 17 | | (597.400.750) | (246.114.904) |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh | 20 | | 21.529.763.514 | 10.212.250.297 |
| LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ | | | | |
| Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và TS dài hạn khác | 21 | | (10.763.460.368) | (17.738.301.731) |
| Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TSDH khác | 22 | | 3.140.628.359 | 1.270.308.739 |
| Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác | 25 | | - | (38.000.000.000) |
| Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác | 26 | | - | 505.000.000 |
| Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia | 27 | | 10.464.473 | 19.688.849 |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư | 30 | | (7.612.367.536) | (53.943.304.143) |
| LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH | | | | |
| Tiền thu từ phát hành CP, nhận vốn góp của chủ sở hữu | 31 | | - | 62.387.070.000 |
| Tiền thu từ đi vay | 33 | 7.2 | 385.430.090.935 | 430.204.151.879 |
| Tiền trả nợ gốc vay | 34 | 7.3 | (370.655.127.793) | (444.581.091.465) |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính | 40 | | 14.774.963.142 | 48.010.130.414 |
| LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TRONG NĂM | | | | |
| Tiền và tương đương tiền đầu năm | 60 | | 9.174.384.903 | 4.895.238.255 |
| Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ | 61 | | (12.264) | 70.080 |
| Tiền và tương đương tiền cuối năm | 70 | 5.1 | 37.866.731.759 | 9.174.384.903 |

Thái Nguyên, ngày 29 tháng 5 năm 2020

NGƯỜI LẬP BIỂU

KẾ TOÁN TRƯỞNG

TỔNG GIÁM ĐỐC





HÀ THỊ HẢI YẾN

ĐẶNG THIỆU HOA

DƯƠNG HỮU HIẾU

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI & KHAI THÁC KHOÁNG SẢN DƯƠNG HIẾU

Số nhà 1309, ngõ 1581, đường 3/2, tổ 20, Phường Trung Thành, TP. Thái Nguyên, Tỉnh Thái Nguyên

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành không thể tách rời của Báo cáo tài chính

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1.1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Thương mại và Khai thác Khoáng sản Dương Hiếu (sau đây gọi tắt là "Công ty") tiền thân là Công ty TNHH Thương mại Dương Hiếu, được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4600341471 đăng ký lần đầu do Sở kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thái Nguyên cấp ngày 30 tháng 06 năm 2003. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần gần đây nhất của Công ty là lần thứ 28 ngày 31 tháng 7 năm 2019.

Vốn điều lệ: 313.961.800.000 đồng.

1.2. Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là: sản xuất, kinh doanh thương mại và dịch vụ.

1.3. Ngành nghề kinh doanh: Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng, chi tiết: Vật liệu chịu lửa, gạch chịu lửa, sơn, gỗ cây, gỗ chế biến, đá ốp lát, thiết bị vệ sinh và các thiết bị, vật liệu xây dựng khác.

Hoạt động chính của Công ty là kinh doanh thương mại hàng hóa và dịch vụ xây lắp.

1.4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường:

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty là trong vòng 12 tháng.

1.5. Cấu trúc doanh nghiệp

Công ty có trụ sở chính đăng ký tại số nhà 1309, ngõ 1581, đường 3/2, tổ 20, Phường Trung Thành, TP. Thái Nguyên, Tỉnh Thái Nguyên và các chi nhánh hạch toán phụ thuộc như sau:

| Tên chi nhánh | Địa chỉ |
|---|---|
| Công ty CP Thương mại & Khai thác Khoáng sản Dương Hiếu chi nhánh Hà Nội | Số 59, đường Võ Chí Công, tổ 14, phường Nghĩa Đô, quận Cầu Giấy, TP. Hà Nội |
| Công ty CP Thương mại & Khai thác Khoáng sản Dương Hiếu chi nhánh Hồ Chí Minh | Số 92B Nguyễn Hữu Cảnh, Phường 22, Quận Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh |
| Công ty CP Thương mại & Khai thác Khoáng sản Dương Hiếu chi nhánh Quảng Nam | Đội 10, thôn Quý Phước, Xã Bình Quý, huyện Thăng Bình, tỉnh Quảng Nam |
| Công ty CP Thương mại & Khai thác Khoáng sản Dương Hiếu chi nhánh Đà Nẵng | Số 24, An Thượng 20, Phường Mỹ An, Quận Ngũ Hành Sơn, TP. Đà Nẵng |
| Công ty CP Thương mại & Khai thác Khoáng sản Dương Hiếu chi nhánh Thái Nguyên (*) | Số 2b, đường Hoàng Ngân, tổ 25, phường Phan Đình Phùng, TP. Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên |

(*) Chấm dứt hoạt động từ ngày 21/5/2020 theo Nghị quyết số 04/NQ-HĐQT/2020 ngày 21/5/2020 của Hội đồng quản trị Công ty. Công ty đang tiến hành các thủ tục có liên quan để chấm dứt hoạt động chi nhánh Thái Nguyên.

Các công ty liên doanh, liên kết tại ngày 31/12/2019, bao gồm:

| Tên công ty | Địa chỉ | Tỷ lệ của Công ty tại công ty liên kết |
|---|---|--|
| Công ty Cổ phần Khai khoáng Luyện kim Bắc Việt | Số 59, đường Võ Chí Công, tổ 14, phường Nghĩa Đô, quận Cầu Giấy, TP. Hà Nội | 45,00% |
| Công ty CP Công nghệ Thương mại và Đầu tư Hưng Phát | Số 052, phố Ngọc Uyển, phường Phố Mới, TP. Lào Cai | 31,67% |

1.6. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Các số liệu trình bày trong báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 có thể so sánh được với số liệu tương ứng của năm trước.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2019

2. KỶ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

2.1 Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

2.2 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán và trình bày báo cáo tài chính

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán của Công ty là Đồng Việt Nam ("VND") cũng là đơn vị tiền tệ sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính.

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

3.1 Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/3/2016 của Bộ Tài chính sửa đổi Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014.

3.2 Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành.

Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/3/2016 của Bộ Tài chính sửa đổi Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Các chính sách kế toán được Ban Tổng Giám đốc áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính này là nhất quán với các chính sách kế toán áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính năm gần nhất.

4.1 Giả định về hoạt động liên tục

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở hoạt động liên tục với giả định rằng Công ty sẽ có thể sử dụng các tài sản và thanh toán các khoản nợ phải trả của Công ty trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường trong tương lai gần.

4.2 Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2019

4.3 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn và tiền đang chuyển. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn nắm giữ đến ngày đáo hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

4.4 Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào liên kết

Công ty liên kết: là doanh nghiệp mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không có quyền kiểm soát đối với các chính sách tài chính và hoạt động. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhưng không kiểm soát các chính sách này.

Các khoản đầu tư vào công ty liên kết được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư. Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá trị khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty liên kết được trích lập khi liên kết bị lỗ với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại công ty liên kết và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại công ty liên kết. Nếu công ty liên kết là đối tượng lập Báo cáo tài chính hợp nhất thì căn cứ để xác định dự phòng tổn thất là Báo cáo tài chính hợp nhất. Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công ty liên kết cần phải trích lập tại ngày kết thúc mỗi kỳ tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

4.5 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Các khoản phải thu được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua-bán giữa Công ty và người mua (là đơn vị độc lập với người bán, gồm cả các khoản phải thu giữa công ty mẹ và công ty con, liên doanh, liên kết).
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính chất thương mại, không liên quan đến giao dịch có tính chất mua-bán.

Phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác có gốc ngoại tệ, được đánh giá lại theo tỷ giá thực tế tại ngày báo cáo.

Phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào thời gian quá hạn trả nợ gốc theo cam kết nợ ban đầu (không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên), hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

Các khoản phải thu được phân loại là ngắn hạn và dài hạn trên báo cáo tài chính căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu tại ngày báo cáo.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2019

4.6 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng cho hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời...) có thể xảy ra đối với nguyên vật liệu, thành phẩm, hàng hoá tồn kho thuộc quyền sở hữu của Công ty dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trong kỳ.

4.7 Tài sản cố định hữu hình

Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên nguyên giá và thời gian hữu dụng ước tính.

Thời gian hữu dụng ước tính của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

- | | |
|-----------------------------------|-------------|
| ▪ Nhà cửa, vật kiến trúc | 06 - 35 năm |
| ▪ Máy móc, thiết bị | 05 - 10 năm |
| ▪ Phương tiện vận tải, truyền dẫn | 06 - 08 năm |
| ▪ Thiết bị quản lý | 03 năm |
| ▪ Tài sản cố định khác | 08 năm |

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2019

4.8 Tài sản cố định vô hình

Nguyên giá

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ. Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Khấu hao

Tài sản cố định vô hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên nguyên giá và thời gian hữu dụng ước tính.

Thời gian hữu dụng ước tính của các loại tài sản cố định vô hình như sau:

- | | |
|---------------------|--------|
| ▪ Quyền sử dụng đất | 37 năm |
| ▪ Phần mềm máy tính | 3 năm |

4.9 Chi phí trả trước

Các chi phí trả trước chỉ liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh của một kỳ tài chính hoặc một chu kỳ kinh doanh được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn và được tính vào chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ tài chính. Các chi phí đã phát sinh trong kỳ tài chính nhưng liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều niên độ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các niên độ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

4.10 Các khoản phải trả

Các khoản phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Các khoản phải trả được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán (là đơn vị độc lập với người mua, gồm cả các khoản phải trả giữa công ty mẹ và công ty con, liên doanh, liên kết);
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Phải trả người bán và các khoản phải trả khác được ghi nhận theo giá gốc. Phải trả người bán và các khoản phải trả khác được phân loại là các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ, được đánh giá lại theo tỷ giá thực tế tại ngày báo cáo.

Khi lập Báo cáo tài chính, kế toán căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải trả để phân loại là dài hạn hoặc ngắn hạn. Khi có các bằng chứng cho thấy một khoản tổn thất có khả năng chắc chắn xảy ra, kế toán ghi nhận ngay một khoản phải trả theo nguyên tắc thận trọng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2019

4.11 Chi phí phải trả

Các khoản chi phí phải trả bao gồm các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán trong kỳ nhưng thực tế chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, được ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh của kỳ báo cáo dựa trên điều khoản ghi trong các hợp đồng tương ứng. Chi phí phải trả bao gồm: lãi vay phải trả và các khoản chi phí phải trả khác.

4.12 Vay và nợ phải trả thuê tài chính

Các khoản tiền vay được phản ánh theo giá gốc, được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn của từng khoản vay. Các khoản vay có thời hạn trả nợ hơn 12 tháng kể từ thời điểm lập báo cáo tài chính được trình bày là vay dài hạn. Các khoản vay có thời hạn trả nợ trong vòng 12 tháng kể từ thời điểm lập báo cáo tài chính được trình bày là vay ngắn hạn.

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

4.13 Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

Cổ phiếu quỹ

Khi mua lại cổ phiếu do Công ty phát hành, khoản tiền trả bao gồm cả các chi phí liên quan đến giao dịch được ghi nhận là cổ phiếu quỹ và được phản ánh là một khoản giảm trừ trong vốn chủ sở hữu. Khi tái phát hành, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá sổ sách của cổ phiếu quỹ được ghi vào khoản mục "Thặng dư vốn cổ phần".

4.14 Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2019

4.15 Doanh thu và thu nhập

Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc năm tài chính.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Thu nhập từ tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất thực tế từng kỳ.

Thu nhập từ thanh lý các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn và dài hạn

Thu nhập từ thanh lý các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn và dài hạn được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu được chuyển giao cho người mua. Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu chỉ được chuyển giao cho người mua khi hoàn thành giao dịch mua bán (đối với chứng khoán đã niêm yết) hoặc hoàn thành hợp đồng chuyển nhượng tài sản (đối với chứng khoán chưa niêm yết).

4.16 Chi phí

Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán trong kỳ được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong năm và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng. Các trường hợp hao hụt vật tư hàng hóa vượt định mức, chi phí vượt định mức bình thường, hàng tồn kho bị mất mát sau khi đã trừ đi phần trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan,... được ghi nhận đầy đủ, kịp thời vào giá vốn hàng bán trong năm.

Chi phí tài chính

Chi phí tài chính bao gồm: Chi phí lãi vay (kể cả số trích trước) phát sinh trong kỳ tài chính được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ báo cáo, lỗ chênh lệch tỷ giá, lỗ do thanh lý các khoản đầu tư, dự phòng giảm giá đầu tư và các khoản chi phí tài chính khác.

4.17 Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành và thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích lập Báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2019

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ được kiểm tra bởi cơ quan thuế. Do sự áp dụng của luật thuế cho từng loại nghiệp vụ và việc giải thích, hiểu cũng như chấp thuận theo nhiều cách khác nhau nên số liệu của báo cáo tài chính có thể sẽ khác với số liệu của cơ quan thuế.

4.18 Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi, trả thù lao Hội đồng Quản trị) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho cổ tức của cổ phiếu ưu đãi có quyền chuyển đổi) cho số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ và số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông sẽ được phát hành trong trường hợp tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm đều được chuyển thành cổ phiếu phổ thông.

4.19 Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận kinh doanh bao gồm bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và bộ phận theo khu vực địa lý.

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

4.20 Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động, hoặc có quyền được tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên kia, nhưng không kiểm soát các chính sách đó.

Các bên có liên quan bao gồm:

- Các doanh nghiệp, các cá nhân trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung kiểm soát với Công ty;
- Các bên liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, kể cả các thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các nhân viên quản lý chủ chốt có quyền và trách nhiệm về việc lập kế hoạch, quản lý và kiểm soát các hoạt động của doanh nghiệp báo cáo, bao gồm những người lãnh đạo, các nhân viên quản lý của công ty và các thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp được sở hữu bởi những người lãnh đạo hoặc các cổ đông chính của Công ty và những doanh nghiệp có chung một thành viên quản lý chủ chốt với Công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI & KHAI THÁC KHOÁNG SẢN DƯƠNG HIẾU

Số nhà 1309, ngõ 1581, đường 3/2, tổ 20, Phường Trung Thành, TP. Thái Nguyên, Tỉnh Thái Nguyên

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2019

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

5.1. Tiền

| | 31/12/2019 | 01/01/2019 |
|--------------------|------------------------------|-----------------------------|
| | VND | VND |
| Tiền mặt | 34.883.665.393 | 7.606.104.015 |
| Tiền gửi ngân hàng | 2.983.066.366 | 1.568.280.888 |
| Cộng | <u>37.866.731.759</u> | <u>9.174.384.903</u> |

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI & KHAI THÁC KHOÁNG SẢN DƯƠNG HIẾU
Số nhà 1309, ngõ 1581, đường 3/2, tổ 20, Phường Trung Thành, TP. Thái Nguyên, Tỉnh Thái Nguyên

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2019

5.2. Các khoản đầu tư tài chính

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

| | 31/12/2019 | | 01/01/2019 | |
|--|------------------------|--------------|------------------------|--------------|
| | Giá gốc VND | Dự phòng VND | Giá gốc VND | Dự phòng VND |
| Đầu tư vào Công ty liên kết, liên doanh | 173.000.000.000 | - | 173.000.000.000 | - |
| Công ty CP khai khoáng Luyện kim Bắc Việt | 135.000.000.000 | - (*) | 135.000.000.000 | - (*) |
| Công ty CP Công nghệ thương mại và đầu tư Hưng Phát | 38.000.000.000 | - (*) | 38.000.000.000 | - (*) |
| Đầu tư vào đơn vị khác | - | - | 10.000.000.000 | - |
| Công ty CP Thương mại và Khai thác khoáng sản miền Trung | - | - | 10.000.000.000 | - (*) |
| Cộng | 173.000.000.000 | - | 183.000.000.000 | - |

(*) Tại ngày báo cáo, Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các công cụ tài chính này để thuyết minh trong báo cáo tài chính bởi vì không có giá niêm yết trên thị trường cho các công cụ tài chính này và các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật đánh giá. Giá trị hợp lý của các công cụ tài chính này có thể khác với giá trị ghi sổ của chúng.

Thông tin về các công ty liên doanh, liên kết của Công ty vào ngày 31/12/2019:

| Tên Công ty | Địa chỉ | Tỷ lệ sở hữu | Tổng tỷ lệ quyền biểu quyết | Hoạt động kinh doanh chính |
|---|--|--------------|-----------------------------|------------------------------------|
| Công ty CP Khai khoáng Luyện kim Bắc Việt | Số 59, đường Võ Chí Công, phường Nghĩa Đô, quận Cầu Giấy, TP. Hà Nội | 45,00% | 45,00% | Khai thác khoáng sản và thương mại |
| Công ty CP Công nghệ Thương mại và Đầu tư Hưng Phát | Số 052, phố Ngọc Uyển, phường Phố Mới, TP. Lào Cai | 31,67% | 31,67% | Thương mại |

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI & KHAI THÁC KHOÁNG SẢN DƯƠNG HIẾU

Số nhà 1309, ngõ 1581, đường 3/2, tổ 20, Phường Trung Thành, TP. Thái Nguyên, Tỉnh Thái Nguyên

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2019

Tình hình hoạt động của các công ty con, công ty liên doanh, liên kết:**Kết quả kinh doanh và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối của Công ty CP Khai khoáng Luyện kim Bắc Việt như sau:**

| Chỉ tiêu | Năm 2019 | Năm 2018 |
|--|----------------|------------------|
| Tổng lợi nhuận sau thuế TNDN (Mã số 60 - Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh) | 26.655.325.279 | (25.573.763.393) |
| Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối (Mã số 421 - Bảng cân đối kế toán) | 45.334.726 | (26.609.990.553) |

Ban Tổng Giám đốc Công ty đánh giá tại ngày 31/12/2018 Công ty chưa phải trích lập dự phòng cho khoản đầu tư vào Công ty CP Khai khoáng Luyện kim Bắc Việt với giá trị ước tính 11.974.495.749 đồng, do tại thời điểm 31/12/2018 khoản đầu tư này chưa phát sinh tổn thất. Tại ngày 31/12/2018, các khoản đầu tư tài chính của Công ty CP Khai khoáng Luyện kim Bắc Việt tính theo giá thị trường tại ngày 31/12/2018 là có lãi và có thể gia tăng trong tương lai nên vẫn đảm bảo bù đắp các chi phí đầu tư tài chính và có lợi nhuận.

Kết quả kinh doanh và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối của Công ty CP Công nghệ Thương mại và Đầu tư Hưng Phát như sau:

| Chỉ tiêu | Năm 2019 | Năm 2018 |
|--|---------------|-------------|
| Tổng lợi nhuận sau thuế TNDN (Mã số 60 - Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh) | 755.262.773 | 758.049.007 |
| Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối (Mã số 421 - Bảng cân đối kế toán) | 1.513.311.780 | 758.049.007 |

5.3. Phải thu của khách hàng

| | 31/12/2019 VND | 01/01/2019 VND |
|---|------------------------|------------------------|
| a) Phải thu ngắn hạn của khách hàng | | |
| + Công ty CP Thương mại Thái Hưng | 10.027.747.840 | 109.413.787.758 |
| + Doanh nghiệp Tư nhân Tân Phát Vượng | 11.237.590.960 | 37.736.547.610 |
| + Công ty TNHH Thương mại Thái Hưng | 32.777.824.453 | 5.312.451.000 |
| + DN Tư nhân Tân Phú Thành | - | 10.353.266.589 |
| + Công ty TNHH Công Nghệ Ngọc Long | 5.928.622.895 | 3.253.958.595 |
| + Công ty TNHH Thương Mại Dịch Vụ Global Hưng Gia | 20.357.967.000 | - |
| + Các khoản phải thu khách hàng khác | 39.555.560.385 | 49.901.088.557 |
| Cộng | 119.885.313.533 | 215.971.100.109 |
| | 31/12/2019 VND | 01/01/2019 VND |
| b) Phải thu của khách hàng là các bên liên quan | - | - |
| Cộng | - | - |

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI & KHAI THÁC KHOÁNG SẢN DƯƠNG HIẾU

Số nhà 1309, ngõ 1581, đường 3/2, tổ 20, Phường Trung Thành, TP. Thái Nguyên, Tỉnh Thái Nguyên

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2019

5.4. Trả trước cho người bán

| | 31/12/2019 | | 01/01/2019 | |
|--|----------------------|-----------------|-----------------------|-----------------|
| | Giá trị VND | Dự phòng VND | Giá trị VND | Dự phòng VND |
| Ngắn hạn | | | | |
| Công ty CP Xây Dựng - Tư Vấn Kiến Trúc Và Nội Thất ACF | - | - | 7.800.000.000 | - |
| Công ty TNHH Thương Mại Kiến Trúc Nam Lộc Phát | 2.800.000.000 | - | - | - |
| Công ty TNHH vật liệu xây dựng Đông Nam Phát | 1.700.000.000 | - | - | - |
| Khác | 814.945.186 | - | 2.959.354.020 | - |
| Cộng | 5.314.945.186 | - | 10.759.354.020 | - |

5.5. Phải thu khác

| | 31/12/2019 | | 01/01/2019 | |
|--|----------------------|-----------------|----------------------|-----------------|
| | Giá trị VND | Dự phòng VND | Giá trị VND | Dự phòng VND |
| Ngắn hạn | | | | |
| Bảo hiểm xã hội | - | - | 2.132.050 | - |
| Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cước | 2.267.307.247 | - | 2.995.065.748 | - |
| Tạm ứng | 2.785.147.505 | - | - | - |
| Phải thu khác | 5.677.152 | - | 11.862.499 | - |
| Cộng | 5.058.131.904 | - | 3.009.060.297 | - |
| Dài hạn | | | | |
| Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cước (*) | 3.185.550.484 | - | 9.053.909.481 | - |
| Cộng | 3.185.550.484 | - | 9.053.909.481 | - |

(*) Trong đó, số dư đặt cọc cho Bà Nguyễn Thị Hoài Giang (Vợ ông Dương Hữu Hiếu - Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc Công ty - là bên liên quan của Công ty) tại ngày 31/12/2019 là 2.850.107.732 đồng (tại ngày 01/01/2019 là 7.885.270.000 đồng). Khoản đặt cọc theo hợp đồng số 01/HĐTN - CNHCM giữa Công ty Cổ phần Phát triển toàn cầu Dương Hiếu (tên cũ) với bà Nguyễn Thị Hoài Giang để thuê căn nhà thương mại S16 - Dự án Sài Gòn Pearl giai đoạn 3A, số 92 Nguyễn Hữu Cảnh, phường 12, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh với tổng diện tích thuê là 1500m², với giá thuê 20 USD/m²/tháng (tương đương 446.800 VND/m²) trong 10 năm, tiền đặt cọc được trừ dần vào tiền thuê nhà hàng năm. Năm 2019, diện tích thuê đã được điều chỉnh giảm xuống còn 250m².

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI & KHAI THÁC KHOÁNG SẢN DƯƠNG HIẾU

Số nhà 1309, ngõ 1581, đường 3/2, tổ 20, Phường Trung Thành, TP. Thái Nguyên, Tỉnh Thái Nguyên

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2019

5.6. Nợ xấu

| Thời hạn nợ | 31/12/2019 | | 01/01/2019 | |
|---|-----------------------|----------------------------------|-----------------------|----------------------------------|
| | Giá gốc VND | Giá trị có thể thu hồi VND | Giá gốc VND | Giá trị có thể thu hồi VND |
| Công nợ phải thu khách hàng | 19.070.945.248 | 673.218.611 | 18.002.808.737 | 158.030.300 |
| <i>Trên 3 năm</i> | | | | |
| Công ty TNHH Thương mại Dịch Sơn | 17.686.743.131 | - | 17.686.748.138 | - |
| <i>Từ 2 năm đến 3 năm</i> | | | | |
| Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Xây Lắp Thành An A96 Tại Đà Nẵng | 150.000.000 | 45.000.000 | 316.060.599 | 158.030.300 |
| <i>Từ 1 năm đến 2 năm</i> | | | | |
| Công ty TNHH Xây Dựng Dân dụng Và Công Nghiệp Nam Việt | 1.028.983.852 | 514.491.926 | - | - |
| Công ty Cổ phần Việt Nhật Sản xuất và Thương mại | 75.468.100 | 37.734.050 | - | - |
| Công ty TNHH Thiên Bình An | 74.162.400 | 37.081.200 | - | - |
| <i>Từ 06 tháng đến 1 năm</i> | | | | |
| Công ty TNHH ECOBA Công nghệ Môi trường | 55.587.765 | 38.911.435 | - | - |
| Cộng | 19.070.945.248 | 673.218.611 | 18.002.808.737 | 158.030.300 |

5.7. Hàng tồn kho

| | 31/12/2019 | | 01/01/2019 | |
|--|------------------------|------------------------|-----------------------|-----------------|
| | Giá gốc VND | Dự phòng VND | Giá gốc VND | Dự phòng VND |
| Nguyên liệu, vật liệu | 494.258.665 | - | 544.796.962 | - |
| Công cụ, dụng cụ | 15.578.317 | - | 15.578.317 | - |
| Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang | 18.273.357.540 | - | 16.759.589.565 | - |
| Hàng hoá | 105.059.994.056 | (1.928.520.308) | 60.860.922.412 | - |
| Cộng | 123.843.188.578 | (1.928.520.308) | 78.180.887.256 | - |

5.8. Tài sản dở dang dài hạn

| | 31/12/2019 | | 01/01/2019 | |
|------------------------------------|-----------------------|----------------------------------|-----------------------|----------------------------------|
| | Giá gốc VND | Giá trị có thể thu hồi VND | Giá gốc VND | Giá trị có thể thu hồi VND |
| Xây dựng cơ bản dở dang | 24.914.405.920 | 24.914.405.920 | 18.028.624.733 | 18.028.624.733 |
| Mua sắm tài sản cố định | - | - | 1.396.860.728 | 1.396.860.728 |
| Nhà văn phòng Đà Nẵng (i) | - | - | 1.179.856.267 | 1.179.856.267 |
| Nhà hàng (ii) | 24.914.405.920 | 24.914.405.920 | 15.451.907.738 | 15.451.907.738 |
| Cộng | 24.914.405.920 | 24.914.405.920 | 18.028.624.733 | 18.028.624.733 |

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI & KHAI THÁC KHOÁNG SẢN DƯƠNG HIẾU

Số nhà 1309, ngõ 1581, đường 3/2, tổ 20, Phường Trung Thành, TP. Thái Nguyên, Tỉnh Thái Nguyên

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2019

- (i) Dự án Nhà văn phòng Đà Nẵng đã dừng thực hiện và thanh lý trong năm 2019.
- (ii) Dự án Nhà hàng Thuận Việt được Sở xây dựng thành phố Đà Nẵng cấp giấy phép xây dựng số 677/GPXD ngày 31/03/2017. Theo đó, Công ty được phép xây dựng nhà hàng tại Lô 1+2A14-6 Khu Công viên Bắc Tượng Đài, phường Hòa Cường Bắc, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng. Diện tích lô đất: 1.218,4 m². Tổng diện tích sàn: 1.860m². Tổng chiều cao công trình: 11,5m.

JOA
K
FC
- C
H
D

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI & KHAI THÁC KHOÁNG SẢN DƯƠNG HIẾU

Số nhà 1309, ngõ 1581, đường 3/2, tổ 20, Phường Trung Thành, TP. Thái Nguyên, Tỉnh Thái Nguyên

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2019

5.9. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

| | Nhà cửa, vật kiến trúc | Máy móc, thiết bị | Phương tiện vận tải, truyền dẫn | Thiết bị, dụng cụ quản lý | Tài sản cố định khác | Cộng |
|-------------------------------|---------------------------|-----------------------|---------------------------------------|---------------------------------|-------------------------|-----------------------|
| | VND | VND | VND | VND | VND | VND |
| Nguyên giá | | | | | | |
| Số dư đầu năm | 8.696.704.259 | 8.848.599.218 | 7.569.363.791 | 362.082.352 | 1.142.976.359 | 26.619.725.979 |
| Mua sắm | - | 1.163.600.000 | - | - | - | 1.163.600.000 |
| Thanh lý, nhượng bán | (1.123.440.267) | - | (1.507.200.626) | - | - | (2.630.640.893) |
| Số dư cuối năm | 7.573.263.992 | 10.012.199.218 | 6.062.163.165 | 362.082.352 | 1.142.976.359 | 25.152.685.086 |
| Giá trị hao mòn lũy kế | | | | | | |
| Số dư đầu năm | 4.329.042.443 | 1.314.103.319 | 5.140.482.029 | 209.316.333 | 352.846.471 | 11.345.790.595 |
| Khấu hao trong năm | 397.373.340 | 979.828.198 | 587.794.008 | 55.949.687 | 59.986.320 | 2.080.931.553 |
| Thanh lý, nhượng bán | (310.882.534) | - | (1.507.200.626) | - | - | (1.818.083.160) |
| Số dư cuối năm | 4.415.533.249 | 2.293.931.517 | 4.221.075.411 | 265.266.020 | 412.832.791 | 11.608.638.988 |
| Giá trị còn lại | | | | | | |
| Tại ngày đầu năm | 4.367.661.816 | 7.534.495.899 | 2.428.881.762 | 152.766.019 | 790.129.888 | 15.273.935.384 |
| Tại ngày cuối năm | 3.157.730.743 | 7.718.267.701 | 1.841.087.754 | 96.816.332 | 730.143.568 | 13.544.046.098 |

Trong đó:

- Giá trị còn lại cuối năm của tài sản cố định hữu hình đã dùng thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay: 4.993.453.695 đồng
- Nguyên giá tài sản cố định cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 2.987.906.029 đồng

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI & KHAI THÁC KHOÁNG SẢN DƯƠNG HIẾU

Số nhà 1309, ngõ 1581, đường 3/2, Tổ 20, Phường Trung Thành, TP Thái Nguyên, Tỉnh Thái Nguyên

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2019

5.10. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

| Khoản mục | Quyền sử dụng đất VND | Phần mềm VND | Tổng cộng VND |
|----------------------------------|--------------------------|-----------------|------------------|
| Nguyên giá | | | |
| Số dư 01/01/2019 | 89.783.584.720 | 290.000.000 | 90.073.584.720 |
| Mua trong năm | - | - | - |
| Số dư 31/12/2019 | 89.783.584.720 | 290.000.000 | 90.073.584.720 |
| Giá trị đã hao mòn lũy kế | | | |
| Số dư 01/01/2019 | 9.206.517.857 | 290.000.000 | 9.496.517.857 |
| Khấu hao trong năm | 1.453.660.716 | - | 1.453.660.716 |
| Số dư 31/12/2019 | 10.660.178.573 | 290.000.000 | 10.950.178.573 |
| Giá trị còn lại | | | |
| Tại ngày 01/01/2019 | 80.577.066.863 | - | 80.577.066.863 |
| Tại ngày 31/12/2019 | 79.123.406.147 | - | 79.123.406.147 |

- Giá trị còn lại cuối năm của tài sản cố định vô hình dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo khoản vay: 35.513.584.720 đồng.
- Nguyên giá tài sản cố định vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn sử dụng: 290.000.000 đồng.

5.11. Chi phí trả trước

| | 31/12/2019 VND | 01/01/2019 VND |
|--------------------|----------------------|----------------------|
| a) Ngắn hạn | 895.956.889 | 433.206.566 |
| + Công cụ dụng cụ | 175.946.019 | 381.239.565 |
| + Chi phí khác | 720.010.870 | 51.967.001 |
| b) Dài hạn | 1.678.446.733 | 4.285.157.372 |
| + Công cụ dụng cụ | 309.195.060 | 4.019.730.832 |
| + Chi phí khác | 1.369.251.673 | 265.426.540 |
| Cộng | 2.574.403.622 | 4.718.363.938 |

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI & KHAI THÁC KHOÁNG SẢN DƯƠNG HIẾU

Số nhà 1309, ngõ 1581, đường 3/2, tổ 20, Phường Trung Thành, TP. Thái Nguyên, Tỉnh Thái Nguyên

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2019

5.12. Vay và nợ thuê tài chính

| | 31/12/2019 | | Phát sinh trong năm | | 01/01/2019 | |
|---|------------------------|---------------------------|------------------------|------------------------|------------------------|------------------------|
| | Giá trị VND | Số có khả năng trả nợ VND | Tăng VND | Giảm VND | Giá trị VND | Số có khả năng trả nợ |
| I. Vay ngắn hạn | 125.726.920.182 | 125.726.920.182 | 385.639.340.935 | 370.416.696.543 | 110.504.275.790 | 110.504.275.790 |
| Vay ngân hàng | 125.517.670.182 | 125.517.670.182 | 385.430.090.935 | 370.416.696.543 | 110.504.275.790 | 110.504.275.790 |
| Ngân hàng TMCP Bưu điện Liên Việt - CN Tân Bình | - | - | 1.074.000.000 | 3.145.000.000 | 2.071.000.000 | 2.071.000.000 |
| Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Lưu Xá (i) | 9.923.007.827 | 9.923.007.827 | 37.749.174.668 | 40.894.706.095 | 13.068.539.254 | 13.068.539.254 |
| Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam | - | - | 4.379.256.827 | 4.379.256.827 | - | - |
| Ngân hàng TMCP Quân đội - CN Thái Nguyên (ii) | 109.933.049.509 | 109.933.049.509 | 313.450.595.677 | 293.878.833.069 | 90.361.286.901 | 90.361.286.901 |
| Ngân hàng TMCP Quân đội - CN Thái Nguyên (Thấu chi) | 4.994.456.937 | 4.994.456.937 | 26.797.169.710 | 26.789.568.095 | 4.986.855.322 | 4.986.855.322 |
| Ngân hàng TMCP Quân đội - CN Thái Nguyên (Thẻ Visa) | 667.155.909 | 667.155.909 | 1.979.894.053 | 1.329.332.457 | 16.594.313 | 16.594.313 |
| Vay dài hạn đến hạn trả | 209.250.000 | 209.250.000 | 209.250.000 | - | - | - |
| Ngân hàng TMCP Quân đội - CN Thái Nguyên (iii) | 209.250.000 | 209.250.000 | 209.250.000 | - | - | - |
| II. Vay dài hạn | 156.937.500 | 156.937.500 | - | 447.681.250 | 604.618.750 | 604.618.750 |
| Ngân hàng TMCP Quân đội - CN Thái Nguyên (iii) | 156.937.500 | 156.937.500 | - | 447.681.250 | 604.618.750 | 604.618.750 |
| Cộng (I+II) | 125.883.857.682 | 125.883.857.682 | 385.639.340.935 | 370.864.377.793 | 111.108.894.540 | 111.108.894.540 |

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI & KHAI THÁC KHOÁNG SẢN DƯƠNG HIẾU

Số nhà 1309, ngõ 1581, đường 3/2, tổ 20, Phường Trung Thành, TP. Thái Nguyên, Tỉnh Thái Nguyên

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2019

- i. Khoản vay Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Lưu Xá theo hợp đồng số 01/2019-HĐCVHM/NHCT224-DUONGHIEU ngày 10/11/2019 với hạn mức vay là 35.000.000.000 đồng, mục đích vay bổ sung vốn lưu động với thời hạn 01 năm, lãi suất vay theo từng kế ước nhận nợ. Tài sản đảm bảo cho khoản vay chi tiết theo các hợp đồng thế chấp sau:
- Hợp đồng thế chấp số 11021136 ngày 22/09/2011 là Thửa đất số 18, phường Trung Thành, TP. Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên được UBND tỉnh Thái Nguyên cấp theo "Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở" số 2701120246 ngày 31/12/1998 cùng tài sản gắn liền với đất và các loại giấy tờ chứng minh quyền sở hữu tài sản, quyền sử dụng đất. Tài sản thế chấp thuộc sở hữu của gia đình Ông Dương Quang Sơn và Bà Nguyễn Thị Kim Loan (Anh trai và chị dâu Ông Dương Hữu Hiếu - Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc Công ty).
 - Hợp đồng thế chấp số 11021137 ngày 22/09/2011 là Thửa đất số 22, phường Hương Sơn, TP. Thái Nguyên theo GCN quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở do UBND tỉnh Thái Nguyên cấp ngày 23/12/1999. Tài sản thế chấp thuộc sở hữu của gia đình Ông Dương Quang Sơn và Bà Nguyễn Thị Kim Loan (Anh trai và chị dâu Ông Dương Hữu Hiếu - Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc Công ty).
 - Hợp đồng thế chấp số 11021138 ngày 22/09/2011 là Thửa đất số 443, phường Trung Thành, TP. Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên được UBND tỉnh Thái Nguyên cấp theo "Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất" số T397993 ngày 27/6/2001 cùng tài sản gắn liền với đất và các loại giấy tờ chứng minh quyền sở hữu tài sản, quyền sử dụng đất. Tài sản thế chấp thuộc sở hữu của Ông Dương Hữu Hiếu - Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc Công ty.
 - Hợp đồng thế chấp số 15021109/HĐTC-DUONGHIEU ngày 19/10/2015 là Căn hộ 307 tòa nhà G03, KĐT Nam Thăng Long, quận Tây Hồ Hà Nội được UBND quận Tây Hồ cấp theo GCN:268/QĐUB ngày 25/02/2014 cùng tài sản gắn liền với đất và các loại giấy tờ chứng minh quyền sở hữu tài sản, quyền sử dụng đất. Tài sản thế chấp thuộc sở hữu của Bà Nguyễn Thị Hoài Giang (Vợ Ông Dương Hữu Hiếu - Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc Công ty).
 - Hợp đồng thế chấp số 13021120/HĐTC ngày 16/05/2013 là Xe ô tô con nhãn hiệu Toyota Fortuner, số khung: RL4ZR69G 0D4016182, số máy: 2KD-U308931. Tài sản thế chấp thuộc sở hữu của Công ty Cổ phần Thương mại & Khai thác Khoáng sản Dương Hiếu.
 - Hợp đồng thế chấp số 08042017 ngày 10/04/2017, bao gồm: Xe ô tô con tải HiluxG, biển số 29C-329.80, GCN đăng ký xe số 202519 do CATP Hà Nội cấp ngày 21/03/2014, số khung: MR0FZ29G402538430, số máy: 1KDU494200. Tài sản thế chấp thuộc sở hữu của Công ty Cổ phần Thương mại & Khai thác Khoáng sản Dương Hiếu.
 - Hợp đồng thế chấp số 07042017 ngày 10/04/2017, bao gồm: Xe ô tô con Toyota Fortuner, biển số 92C-014.60, GCN đăng ký xe số 004160 do CA tỉnh Quảng Nam cấp ngày 05/01/2013, số khung: RL4ZR69G5C4015561, số máy: 2KDU170271. Tài sản thế chấp thuộc sở hữu của Công ty Cổ phần Thương mại & Khai thác Khoáng sản Dương Hiếu.
 - Hợp đồng thế chấp số 0801/2017/HĐTC-DUONGHIEU ngày 09/11/2017 là xe ô tô con Lexus, biển kiểm soát: 30A-318.33, GCN đăng ký xe số 349235 do CATP Hà Nội cấp ngày 03/11/2017, số khung: 00W0E4153961, số máy: 3UR3201010. Tài sản thế chấp thuộc sở hữu của Ông Dương Hữu Hiếu và vợ là Bà Nguyễn Thị Hoài Giang.
 - Hợp đồng thế chấp số 16021001/HĐTC-DUONGHIEU ngày 29/02/2016 là Thửa đất số 23, phường Hương Sơn, TP. Thái Nguyên theo GCN quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BM144863 do UBND TP. Thái Nguyên cấp ngày 04/10/2012. Tài

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI & KHAI THÁC KHOÁNG SẢN DƯƠNG HIẾU

Số nhà 1309, ngõ 1581, đường 3/2, tổ 20, Phường Trung Thành, TP. Thái Nguyên, Tỉnh Thái Nguyên

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2019

- sản thế chấp thuộc sở hữu của gia đình Bà Dương Thị Hảo và chồng là Ông Vũ Anh Tuấn (Em gái và em rể Ông Dương Hữu Hiếu - Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc Công ty).
- Hợp đồng thế chấp số 16021002/HDTC-DUONGHIEU ngày 29/02/2016 là Thừa đất số 24, phường Hương Sơn, TP. Thái Nguyên theo GCN quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số R533415 do UBND TP. Thái Nguyên cấp ngày 30/8/2000. Tài sản thế chấp thuộc sở hữu của gia đình Bà Dương Thị Hà và chồng là Ông Ngô Xuân Bình (Chị gái và anh rể Ông Dương Hữu Hiếu - Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc Công ty).
- ii. Khoản vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Thái Nguyên theo hợp đồng số 21425.19.090.491629.TD ngày 21/06/2019 với hạn mức tín dụng là 65.000.000.000 đồng, mục đích vay bổ sung vốn lưu động, thời hạn vay không quá 06 tháng với lãi suất vay theo từng khế ước nhận nợ. Tài sản bảo đảm khoản vay chi tiết như sau:
- Bất động sản theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BE 431744, số vào sổ cấp GCN: CH01303 do UBND Quận Hải Châu, TP. Đà Nẵng cấp ngày 09/05/2011; Bất động sản theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AL 556590, số vào sổ cấp GCN QSDĐ: H12854 do UBND Quận Hải Châu, TP. Đà Nẵng cấp ngày 26/12/2007. Tài sản thế chấp thuộc sở hữu của Công ty Cổ phần Thương mại & Khai thác Khoáng sản Dương Hiếu.
 - Quyền tài sản phát sinh từ Hợp đồng mua bán nhà số S16/2015/MB ngày 30/06/2015 giữa Công ty TNHH Vietnam Land SSG và bà Nguyễn Thị Hoài Giang về việc mua bán căn nhà số S-16, địa chỉ: 92 Nguyễn Hữu Cảnh, phường 22, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh, dự án Saigon Pearl. Tài sản thế chấp thuộc sở hữu của Bà Nguyễn Thị Hoài Giang (Vợ Ông Dương Hữu Hiếu - Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc Công ty).
 - Hợp đồng số 31490.16.092.491629.BĐ ngày 27/5/2016, bao gồm: 02 máy đào bánh xích Caterpillar Model 329D, máy xúc lật bánh lốp, Máy đào bánh xích Komatsu của Công ty Cổ phần Khai khoáng Luyện kim Bắc Việt.
 - Hợp đồng số 34191.16.092.491629.BĐ ngày 27/5/2016, bao gồm: 02 xe ô tô tải tự đổ CNHTC, 01 xe tải pickup cabin kép Toyota của Công ty Cổ phần Khai khoáng Luyện kim Bắc Việt.
- iii. Khoản vay dài hạn Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Thái Nguyên theo hợp đồng số 15117.17.092.491629.TD ngày 18/08/2017 với số gốc vay là 837.000.000 đồng, mục đích vay để mua 01 xe ô tô Toyota Fortuner, thời hạn vay 48 tháng với lãi suất vay là 9,5%, tài sản đảm bảo là tài sản hình thành từ vốn vay. Tại 31/12/2019, số dư gốc vay phải trả trong 12 tháng tới là 209.250.000 đồng, gốc vay phải trả sau 12 tháng là 156.937.500 đồng.

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI & KHAI THÁC KHOÁNG SẢN DƯƠNG HIẾU

Số nhà 1309, ngõ 1581, đường 3/2, tổ 20, Phường Trung Thành, TP. Thái Nguyên, Tỉnh Thái Nguyên

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2019

5.13. Phải trả người bán

| | 31/12/2019 | | 01/01/2019 | |
|---|-----------------------|---------------------------------|------------------------|---------------------------------|
| | Giá trị nợ VND | Số có khả năng trả nợ VND | Giá trị nợ VND | Số có khả năng trả nợ VND |
| Ngắn hạn | | | | |
| Công ty TNHH SIEMENS | 4.112.833.531 | 4.112.833.531 | 12.792.105.480 | 12.792.105.480 |
| Công ty TNHH Kinh doanh và TM Hùng Sơn | 20.018.115.810 | 20.018.115.810 | - | - |
| Công ty CP Kim Khí Bắc Thái | 23.503.518.763 | 23.503.518.763 | 73.405.075.600 | 73.405.075.600 |
| Công ty CP TM Hà Chung | - | - | 23.871.577.680 | 23.871.577.680 |
| Cambria Company LLC | - | - | 3.217.500.376 | 3.217.500.376 |
| Phải trả người bán khác | 8.626.617.614 | 8.626.617.614 | 13.973.039.007 | 13.973.039.007 |
| Cộng | 56.261.085.718 | 56.261.085.718 | 127.259.298.143 | 127.259.298.143 |

5.14. Người mua trả tiền trước

| | 31/12/2019 VND | 01/01/2019 VND |
|---|-----------------------|----------------------|
| Ngắn hạn | | |
| Công ty CP Vật tư Nông nghiệp Vàm Cỏ Đông | 1.856.619.552 | - |
| Công ty TNHH HB Minh Đức | 14.676.534.050 | - |
| Công ty TNHH DV Kỹ thuật Bách Khoa | - | 2.757.543.100 |
| Công ty TNHH MTV Hoa Sen Nhơn Hội - Bình Định | - | 930.989.070 |
| Khách hàng khác | 4.905.314.616 | 3.551.800.525 |
| Cộng | 21.438.468.218 | 7.240.332.695 |

5.15. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước**Phải nộp**

| | 01/01/2019 VND | Số phải nộp trong năm VND | Số đã nộp trong năm VND | 31/12/2019 VND |
|-----------------------------|----------------------|---------------------------------|-------------------------------|----------------------|
| Thuế giá trị gia tăng | 948.273.782 | 2.444.464.355 | 3.331.627.021 | 61.111.116 |
| Thuế xuất, nhập khẩu | - | 5.935.056.347 | 5.935.056.347 | - |
| Thuế thu nhập DN | 2.142.714.496 | 2.402.465.448 | 2.357.442.322 | 2.187.737.622 |
| Thuế thu nhập cá nhân | 737.093.201 | (510.652.239) | 120.119.588 | 106.321.374 |
| Thuế nhà đất, tiền thuê đất | - | 5.250.000 | 5.250.000 | - |
| Các loại thuế khác | - | 4.000.000 | 4.000.000 | - |
| Cộng | 3.828.081.479 | 10.280.583.911 | 11.753.495.278 | 2.355.170.112 |

Phải thu

| | 01/01/2019 VND | Số phải nộp trong năm VND | Số đã nộp trong năm VND | 31/12/2019 VND |
|-----------------------|-------------------|---------------------------------|-------------------------------|-------------------|
| Thuế giá trị gia tăng | 9.927.373 | (8.785.428) | - | 1.141.945 |
| Cộng | 9.927.373 | (8.785.428) | - | 1.141.945 |

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI & KHAI THÁC KHOÁNG SẢN DƯƠNG HIẾU

Số nhà 1309, ngõ 1581, đường 3/2, tổ 20, Phường Trung Thành, TP. Thái Nguyên, Tỉnh Thái Nguyên

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2019

5.16. Chi phí phải trả ngắn hạn

| | 31/12/2019 VND | 01/01/2019 VND |
|---------------------------|--------------------------|--------------------------|
| Chi phí lãi vay phải trả | 145.841.263 | 141.354.414 |
| Thủ lao Hội đồng quản trị | 62.100.000 | 64.800.000 |
| Chi phí thuê khoán | 1.661.673.916 | - |
| Chi phí phải trả khác | 55.415.000 | 243.311.000 |
| Cộng | 1.925.030.179 | 449.465.414 |

5.17. Phải trả khác

| | 31/12/2019 VND | 01/01/2019 VND |
|-----------------------------------|--------------------------|--------------------------|
| Ngắn hạn | | |
| Bảo hiểm xã hội | 19.600.488 | 60.605.204 |
| Bảo hiểm y tế | 3.293.928 | 10.511.040 |
| Bảo hiểm thất nghiệp | 1.553.006 | 3.465.825 |
| Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn | - | 197.616.000 |
| Các khoản phải trả, phải nộp khác | 253.401.500 | 5.011.835.444 |
| Cộng | 277.848.922 | 5.284.033.513 |

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI & KHAI THÁC KHOÁNG SẢN DƯƠNG HIẾU
Số nhà 1309, ngõ 1581, đường 3/2, tổ 20, Phường Trung Thành, TP. Thái Nguyên, Tỉnh Thái Nguyên

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

5.18. Vốn chủ sở hữu

Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

| | Vốn góp của chủ sở hữu | | Thặng dư vốn cổ phần | | Quỹ đầu tư phát triển | | Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối | | Cộng |
|--------------------------|------------------------|-----|----------------------|-----------------------|-----------------------|-----------------------|-----------------------------------|------------------------|------|
| | VND | VND | VND | VND | VND | VND | VND | VND | |
| Số dư 01/01/2018 | 251.431.230.000 | | | 28.356.528.668 | | 5.647.433.178 | | 285.435.191.846 | |
| Tăng vốn trong năm trước | 62.530.570.000 | | - | - | - | 6.310.770.075 | | 62.530.570.000 | |
| Lãi trong năm trước | - | | - | - | - | (997.544.710) | | 6.310.770.075 | |
| Trích lập các quỹ | - | | - | 665.029.806 | | 86.400.000 | | (332.514.904) | |
| Tăng khác | - | | - | - | | - | | 86.400.000 | |
| Giảm khác | - | | (143.500.000) | - | | - | | (143.500.000) | |
| Số dư 01/01/2019 | 313.961.800.000 | | (143.500.000) | 29.021.558.474 | | 11.047.058.543 | | 353.886.917.017 | |
| Lãi trong năm nay | - | | - | - | | 4.674.080.100 | | 4.674.080.100 | |
| Trích lập các quỹ (i) | - | | - | 1.262.154.015 | | (1.893.231.022) | | (631.077.007) | |
| Số dư 31/12/2019 | 313.961.800.000 | | (143.500.000) | 30.283.712.489 | | 13.827.907.621 | | 357.929.920.110 | |

(i) Phân phối lợi nhuận theo Nghị quyết đại hội cổ đông thường niên năm 2019 số 01/NQ-DHĐCĐ/2019 ngày 29/3/2019.

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI & KHAI THÁC KHOÁNG SẢN DƯƠNG HIẾU

Số nhà 1309, ngõ 1581, đường 3/2, tổ 20, Phường Trung Thành, TP. Thái Nguyên, Tỉnh Thái Nguyên

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2019

Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

| | 31/12/2019 VND | 01/01/2019 VND |
|-------------------------|--------------------------|--------------------------|
| Vốn góp của các cổ đông | 313.961.800.000 | 313.961.800.000 |
| Cộng | 313.961.800.000 | 313.961.800.000 |

Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

| | Năm 2019 VND | Năm 2018 VND |
|---------------------------|------------------------|------------------------|
| Vốn đầu tư của chủ sở hữu | | |
| + Vốn góp đầu kỳ | 313.961.800.000 | 251.431.230.000 |
| + Vốn góp tăng trong kỳ | - | 62.530.570.000 |
| + Vốn góp giảm trong kỳ | - | - |
| + Vốn góp cuối kỳ | 313.961.800.000 | 313.961.800.000 |
| Cổ tức, lợi nhuận đã chia | - | - |

Cổ phiếu

| | 31/12/2019 VND | 01/01/2019 VND |
|--|--------------------------|--------------------------|
| Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành | 31.396.180 | 31.396.180 |
| Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng | 31.396.180 | 31.396.180 |
| + Cổ phiếu phổ thông | 31.396.180 | 31.396.180 |
| + Cổ phiếu ưu đãi | | |
| Số lượng cổ phiếu được mua lại | - | - |
| + Cổ phiếu phổ thông | - | - |
| + Cổ phiếu ưu đãi | - | - |
| Số lượng cổ phiếu đang lưu hành | 31.396.180 | 31.396.180 |
| + Cổ phiếu phổ thông | 31.396.180 | 31.396.180 |
| + Cổ phiếu ưu đãi | - | - |

(*) Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng/ cổ phiếu

Cổ tức

Cổ tức đã công bố sau ngày kết thúc năm tài chính từ 01/01/2019 đến 31/12/2019:

+ Cổ tức đã công bố trên cổ phiếu phổ thông: không phát sinh

+ Cổ tức đã công bố trên cổ phiếu ưu đãi: không phát sinh

Cổ tức của cổ phiếu ưu đãi lũy kế chưa được ghi nhận: không phát sinh

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI & KHAI THÁC KHOÁNG SẢN DƯƠNG HIẾU

Số nhà 1309, ngõ 1581, đường 3/2, tổ 20, Phường Trung Thành, TP. Thái Nguyên, Tỉnh Thái Nguyên

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2019

5.19. Các khoản mục ngoài bảng cân đối kế toán**Ngoại tệ các loại**

| | <u>31/12/2019</u> | <u>01/01/2019</u> |
|-----------------|-------------------|-------------------|
| Dollar Mỹ (USD) | 869,22 | 285,21 |
| Euro (EUR) | 100,08 | 100,08 |

6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**6.1. Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

| | <u>Năm 2019</u> VND | <u>Năm 2018</u> VND |
|--|---------------------------------|-------------------------------|
| Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ | 1.112.418.741.747 | 898.618.532.344 |
| Cộng | <u>1.112.418.741.747</u> | <u>898.618.532.344</u> |

6.2. Giá vốn hàng bán

| | <u>Năm 2019</u> VND | <u>Năm 2018</u> VND |
|--|---------------------------------|-------------------------------|
| Giá vốn của hàng hóa và dịch vụ đã bán | 1.062.595.554.785 | 848.653.071.794 |
| Cộng | <u>1.062.595.554.785</u> | <u>848.653.071.794</u> |

6.3. Doanh thu hoạt động tài chính

| | <u>Năm 2019</u> VND | <u>Năm 2018</u> VND |
|---|--------------------------|--------------------------|
| Lãi tiền gửi, tiền cho vay | 10.464.473 | 19.688.849 |
| Lãi chênh lệch tỷ giá trong năm | 81.252.842 | 64.408.810 |
| Lãi chênh lệch tỷ giá đánh giá lại cuối năm | 5.582.208 | - |
| Cộng | <u>97.299.523</u> | <u>84.097.659</u> |

6.4. Chi phí tài chính

| | <u>Năm 2019</u> VND | <u>Năm 2018</u> VND |
|--------------------------|------------------------------|------------------------------|
| Lãi tiền vay | 10.051.436.521 | 10.314.742.038 |
| Lỗ chênh lệch tỷ giá | 73.340.487 | 156.993.936 |
| Lỗ thanh lý khoản đầu tư | 4.000.000.000 | 6.650.000 |
| Dự phòng tổn thất đầu tư | - | (101.000.000) |
| Cộng | <u>14.124.777.008</u> | <u>10.377.385.974</u> |

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI & KHAI THÁC KHOÁNG SẢN DƯƠNG HIẾU

Số nhà 1309, ngõ 1581, đường 3/2, tổ 20, Phường Trung Thành, TP. Thái Nguyên, Tỉnh Thái Nguyên

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2019

6.5. Thu nhập khác

| | Năm 2019 VND | Năm 2018 VND |
|--------------------------------------|--------------------|----------------------|
| Thanh lý, nhượng bán tài sản cố định | 51.078.733 | 263.838.472 |
| Tiền phạt thu được | 95.264.100 | 899.473.000 |
| Các khoản khác | 638.000.225 | 681.783.277 |
| Cộng | 784.343.058 | 1.845.094.749 |

6.6. Chi phí khác

| | Năm 2019 VND | Năm 2018 VND |
|------------------------|----------------------|----------------------|
| Các khoản bị phạt | 2.255.013.496 | 823.657.183 |
| Thiệt hại do thiên tai | 395.818.979 | 2.964.118.849 |
| Các khoản khác | 2.113.584.133 | 376.967.126 |
| Cộng | 4.764.416.608 | 4.164.743.158 |

6.7. Chi phí bán hàng

| | Năm 2019 VND | Năm 2018 VND |
|-----------------------|----------------------|----------------------|
| Chi phí nhân công | 5.230.310.735 | 4.239.822.512 |
| Chi phí bán hàng khác | 3.140.053.549 | 3.984.872.896 |
| Cộng | 8.370.364.284 | 8.224.695.408 |

6.8. Chi phí quản lý doanh nghiệp

| | Năm 2019 VND | Năm 2018 VND |
|----------------------------------|-----------------------|-----------------------|
| Chi phí nhân công | 5.265.094.905 | 6.230.543.378 |
| Chi phí khấu hao tài sản cố định | 1.637.801.171 | 1.783.106.036 |
| Chi phí khác | 9.465.830.019 | 13.070.712.433 |
| Cộng | 16.368.726.095 | 21.084.361.847 |

6.9. Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố

| | Năm 2019 VND | Năm 2018 VND |
|-------------------------------|-----------------------|-----------------------|
| Chi phí nguyên liệu, vật liệu | 23.591.850.978 | 6.894.369.840 |
| Chi phí nhân công | 11.129.262.966 | 11.039.085.287 |
| Chi phí khấu hao | 2.080.931.553 | 2.206.905.765 |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài | 6.055.218.645 | 4.751.929.316 |
| Chi phí khác bằng tiền | 14.146.013.493 | 11.320.798.881 |
| Cộng | 57.003.277.635 | 36.213.089.089 |

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI & KHAI THÁC KHOÁNG SẢN DƯƠNG HIẾU

Số nhà 1309, ngõ 1581, đường 3/2, tổ 20, Phường Trung Thành, TP. Thái Nguyên, Tỉnh Thái Nguyên

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2019

6.10. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Thuế suất áp dụng: Công ty có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") bằng 20% trên lợi nhuận chịu thuế.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

| | Thuyết minh | Năm 2019 VND | Năm 2018 VND |
|--|-------------|----------------------|----------------------|
| Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế trong kỳ hiện hành | (*) | 2.402.465.448 | 1.642.714.496 |
| Điều chỉnh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của các năm trước vào chi phí thuế thu nhập hiện hành trong kỳ | | - | - |
| Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành | | 2.402.465.448 | 1.642.714.496 |

(*) Chi tiết chi phí thuế TNDN hiện hành như sau:

| | Năm 2019 VND | Năm 2018 VND |
|---|-----------------------|----------------------|
| Lợi nhuận/(lỗ) thuần trước thuế | 7.076.545.548 | 7.953.484.571 |
| Các điều chỉnh tăng/(giảm) lợi nhuận/(lỗ) theo kế toán | 3.862.142.562 | 260.087.909 |
| Các khoản điều chỉnh tăng | 3.862.142.562 | 260.087.909 |
| Các khoản điều chỉnh giảm | - | - |
| Lợi nhuận/(lỗ) điều chỉnh trước thuế chưa trừ lỗ năm trước | 10.938.688.110 | 8.213.572.480 |
| Lỗ năm trước chuyển sang | - | - |
| Thu nhập chịu thuế hiện hành | 10.938.688.110 | 8.213.572.480 |
| Thuế suất | 20% | 20% |
| Thuế TNDN phải trả hiện hành | 2.187.737.622 | 1.642.714.496 |
| Thuế TNDN bị truy thu | 214.727.826 | - |
| Tổng thuế TNDN phải trả hiện hành | 2.402.465.448 | 1.642.714.496 |

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ được kiểm tra bởi cơ quan thuế. Do sự áp dụng của luật thuế cho từng loại nghiệp vụ và việc giải thích, hiểu cũng như chấp thuận theo nhiều cách khác nhau nên số liệu của báo cáo tài chính có thể sẽ khác với số liệu của cơ quan thuế.

6.11. Lãi trên cổ phiếu

| | | Năm 2019 VND | Năm 2018 VND |
|--|---------------|----------------------|----------------------|
| Lợi nhuận kế toán sau thuế TNDN | VND | 4.674.080.100 | 6.310.770.075 |
| Các khoản điều chỉnh tăng/(giảm) lợi nhuận để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (*) | VND | 467.408.010 | 631.077.008 |
| Lợi nhuận tính lãi cơ bản trên cổ phiếu | VND | 4.206.672.090 | 5.679.693.067 |
| Số lượng cổ phiếu phổ thông của Công ty đang lưu hành bình quân trong năm | CP | 31.396.180 | 30.369.247 |
| Lãi trên cổ phiếu | | | |
| - Lãi cơ bản | VND/CP | 133,99 | 187,02 |
| - Lãi suy giảm | VND/CP | 133,99 | 187,02 |

(*) Quỹ khen thưởng phúc lợi Công ty dự kiến trích bằng 10% lợi nhuận sau thuế TNDN.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)
Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2019

7. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

7.1 Các khoản tiền và tương đương tiền Công ty đang nắm giữ nhưng không được sử dụng

Các khoản tiền nhận ký quỹ, ký cược dài hạn tại ngày 31/12/2019 là 0 đồng (Tại ngày 01/01/2019 là 197.616.000 đồng).

7.2 Tiền thu từ đi vay

| | Năm 2019 | Năm 2018 |
|---|------------------------|------------------------|
| | VND | VND |
| Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường | 385.430.090.935 | 430.204.151.879 |
| Tiền thu từ đi vay dưới hình thức khác | - | - |
| | 385.430.090.935 | 430.204.151.879 |

7.3 Tiền trả nợ gốc vay

| | Năm 2019 | Năm 2018 |
|--|------------------------|------------------------|
| | VND | VND |
| Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường | 370.655.127.793 | 444.581.091.465 |
| Tiền trả nợ vay dưới hình thức khác | - | - |
| | 370.655.127.793 | 444.581.091.465 |

8. THÔNG TIN VỀ BỘ PHẬN

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý.

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo vùng địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác.

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI & KHAI THÁC KHOÁNG SẢN DƯƠNG HIẾU

Số nhà 1309, ngõ 1581, đường 3/2, tổ 20, Phường Trung Thành, TP. Thái Nguyên, Tỉnh Thái Nguyên

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Kết quả của bộ phận bao gồm các khoản mục phân bổ trực tiếp cho một bộ phận cũng như cho các bộ phận được phân chia theo một cơ sở hợp lý.

Các khoản mục không được phân chia bao gồm: tài sản và nợ phải trả, doanh thu hoạt động tài chính, chi phí tài chính, chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp, lợi nhuận và lỗ khác, và thuế thu nhập doanh nghiệp.

| Khoản mục | Hoạt động thương mại | | Hoạt động không phân bổ | | Tổng cộng | |
|--------------------------------|----------------------|-------------------|-------------------------|------------------|----------------------|----------------------|
| | Năm 2019 VND | Năm 2018 VND | Năm 2019 VND | Năm 2018 VND | Năm 2019 VND | Năm 2018 VND |
| Doanh thu thuần của bộ phận | 1.107.543.856.747 | 881.141.718.344 | | | 1.112.418.741.747 | 898.528.550.344 |
| Chi phí của bộ phận | (1.058.766.221.199) | (835.546.775.010) | | | (1.062.595.554.785) | (848.653.071.794) |
| Kết quả kinh doanh của bộ phận | 48.777.635.548 | 45.594.943.334 | | | 49.823.186.962 | 49.875.478.550 |
| Doanh thu không phân bổ | | | 97.299.523 | 84.097.659 | 97.299.523 | 84.097.659 |
| Chi phí không phân bổ | | | (38.863.867.387) | (39.686.443.229) | (26.889.371.638) | (51.205.833.032) |
| Thu nhập khác | | | 784.343.058 | 1.845.094.749 | 784.343.058 | 1.845.094.749 |
| Chi phí khác | | | (4.764.416.608) | (4.367.747.778) | (4.764.416.608) | (4.367.747.778) |
| Chi phí thuế TNDN | | | (2.402.465.448) | (1.642.714.496) | (2.402.465.448) | (1.642.714.496) |
| Lợi nhuận sau thuế TNDN | | | | | 4.674.080.100 | 6.310.770.075 |

| Khoản mục | Hoạt động thương mại | | Hoạt động không phân bổ | | Tổng cộng | |
|---------------------------|------------------------|------------------------|-------------------------|------------------------|------------------------|------------------------|
| | 31/12/2019 VND | 01/01/2019 VND | 31/12/2019 VND | 01/01/2019 VND | 31/12/2019 VND | 01/01/2019 VND |
| Tài sản bộ phận | 549.026.085.805 | 589.604.559.274 | - | - | 549.026.085.805 | 589.604.559.274 |
| Tài sản không phân bổ | - | - | 20.261.304.042 | 21.393.911.947 | 20.261.304.042 | 21.393.911.947 |
| Tổng tài sản | 549.026.085.805 | 589.604.559.274 | 20.261.304.042 | 21.393.911.947 | 569.287.389.847 | 610.998.471.221 |
| Nợ phải trả bộ phận | 84.313.578.681 | 145.054.950.158 | - | - | 84.313.578.681 | 145.054.950.158 |
| Nợ phải trả không phân bổ | - | - | 127.134.912.245 | 112.056.604.046 | 127.134.912.245 | 112.056.604.046 |
| Tổng nợ phải trả | 87.096.231.571 | 145.054.950.158 | 125.993.594.300 | 112.056.604.046 | 211.448.490.926 | 257.111.554.204 |

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI & KHAI THÁC KHOÁNG SẢN DƯƠNG HIẾU

Số nhà 1309, ngõ 1581, đường 3/2, tổ 20, Phường Trung Thành, TP. Thái Nguyên, Tỉnh Thái Nguyên

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2019

Thông tin về khu vực địa lý

Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý dựa trên vị trí của khách hàng tạo ra doanh thu cho bộ phận. Trong năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2019, hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty chỉ phát sinh tại thị trường trong nước.

9. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**8.1 Các cam kết**

Công ty hiện đang thuê nhà làm văn phòng và thuê kho theo các hợp đồng thuê hoạt động. Vào ngày 31/12/2019 các khoản tiền thuê phải trả trong tương lai theo hợp đồng thuê hoạt động được trình bày như sau:

| | 31/12/2019 | 01/01/2019 |
|--------------------------|----------------------|-----------------------|
| | VND | VND |
| Dưới một năm | 2.416.634.700 | 3.025.114.500 |
| Trên một năm đến năm năm | 5.664.207.425 | 6.987.096.725 |
| Trên năm năm | 1.753.777.800 | 2.848.466.700 |
| Tổng | 9.834.242.525 | 12.860.677.925 |

8.2 Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Đại hội cổ đông thường niên năm 2020 của Công ty đã được gia hạn theo sự đồng ý của Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thái Nguyên tại Văn bản số 16/CV-ĐKKD ngày 15/4/2020.

Ngoài ra, không có sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính.

8.3 Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị và các thành viên Ban điều hành (Ban Tổng Giám đốc, kế toán trưởng). Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

Thu nhập của Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc

| | Năm 2019 | Năm 2018 |
|--|--------------------|----------------------|
| | VND | VND |
| Tiền lương thưởng, thù lao của HĐQT và Ban Tổng Giám đốc | 761.025.000 | 1.260.689.394 |
| Tổng | 761.025.000 | 1.260.689.394 |

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI & KHAI THÁC KHOÁNG SẢN DƯƠNG HIẾU

Số nhà 1309, ngõ 1581, đường 3/2, tổ 20, Phường Trung Thành, TP. Thái Nguyên, Tỉnh Thái Nguyên

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2019

Giao dịch với các bên liên quan

| Bên liên quan | Mối quan hệ | Nội dung nghiệp vụ | Năm 2019 VND | Năm 2018 VND |
|--|---|---|--------------------------|--------------------------|
| Ông Dương Quang Sơn và Bà Nguyễn Thị Kim Loan | Anh trai và chị dâu Ông Dương Hữu Hiếu - Chủ tịch HĐQT kiêm TGD Công ty | Bảo lãnh vay vốn ngân hàng | 2.690.000.000 | 2.690.000.000 |
| Ông Dương Hữu Hiếu | Chủ tịch HĐQT kiêm TGD Công ty | Bảo lãnh vay vốn ngân hàng | 3.800.000.000 | 3.800.000.000 |
| Ông Dương Hữu Hiếu và Bà Nguyễn Thị Hoài Giang | Chủ tịch HĐQT kiêm TGD Công ty | Bảo lãnh vay vốn ngân hàng | 4.800.000.000 | - |
| Bà Nguyễn Thị Hoài Giang | Vợ Ông Dương Hữu Hiếu - Chủ tịch HĐQT kiêm TGD Công ty | Bảo lãnh vay vốn ngân hàng | 4.964.000.000 | 4.964.000.000 |
| | | Bảo lãnh vay vốn ngân hàng bằng giá trị tòa nhà S16 | 66.524.380.000 | 65.460.920.000 |
| | | Bù trừ tiền đặt cọc thuê đất Đà Nẵng | 1.400.000.000 | - |
| | | Bù trừ tiền đặt cọc thuê nhà | 3.285.270.000 | - |
| | | Bù trừ công nợ thanh lý Nhà Văn phòng Đà Nẵng | 1.573.144.398 | - |
| Bà Dương Thị Hào và Ông Vũ Anh Tuấn | Em gái và em rể Ông Dương Hữu Hiếu - Chủ tịch HĐQT kiêm TGD Công ty | Bảo lãnh vay vốn ngân hàng | 2.000.000.000 | 2.000.000.000 |
| Bà Dương Thị Hà và Ông Ngô Xuân Bình | Chị gái và anh rể Ông Dương Hữu Hiếu - Chủ tịch HĐQT kiêm TGD Công ty | Bảo lãnh vay vốn ngân hàng | 2.000.000.000 | 2.000.000.000 |
| Công ty Cổ phần Khai khoáng Luyện kim Bắc Việt | - Chủ tịch HĐQT kiêm TGD Công ty Công ty liên kết | Bảo lãnh vay vốn ngân hàng bằng Máy móc thiết bị | 1.560.000.000 | 1.400.000.000 |
| | | Bảo lãnh vay vốn ngân hàng bằng Phương tiện vận tải | 7.806.770.000 | 7.000.000.000 |
| Số dư với các bên liên quan | | | 31/12/2019 VND | 01/01/2019 VND |

Bên liên quan**Phải thu khác**

Bà Nguyễn Thị Hoài Giang Vợ Ông Dương Hữu Hiếu - Chủ tịch HĐQT kiêm TGD Công ty Đặt cọc tiền thuê nhà và đất

2.850.107.732 7.885.270.000

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI & KHAI THÁC KHOÁNG SẢN DƯƠNG HIẾU

Số nhà 1309, ngõ 1581, đường 3/2, tổ 20, Phường Trung Thành, TP. Thái Nguyên, Tỉnh Thái Nguyên

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2019

8.4 Thông tin so sánh

Số liệu được dùng để so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Công ty cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2018, Công ty trình bày lại một số chỉ tiêu như sau:

| I BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN | | MÃ SỐ | Số 31/12/2018 (Đã kiểm toán) VND | Điều chỉnh VND | Số 01/01/2019 (Trình bày lại) VND |
|--|---|--------------|---|---------------------------|--|
| 1 | Thuế và các khoản phải thu Nhà nước | 153 | - | 9.927.373 | 9.927.373 |
| 2 | Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước | 313 | 3.818.154.106 | 9.927.373 | 3.828.081.479 |
| II BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH | | MÃ SỐ | Số 31/12/2018 (Đã kiểm toán) VND | Điều chỉnh VND | Số 01/01/2019 (Trình bày lại) VND |
| 1 | Lãi cơ bản trên cổ phiếu | 70 | 193,77 | (6,75) | 187,02 |
| 2 | Lãi suy giảm trên cổ phiếu | 71 | - | 187,02 | 187,02 |
| III BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ | | MÃ SỐ | Số năm 2018 (Đã kiểm toán) VND | Điều chỉnh VND | Số năm 2018 (Trình bày lại) VND |
| 1 | Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư | 02 | 3.660.566.481 | (1.453.660.716) | 2.206.905.765 |
| 2 | Tăng giảm hàng tồn kho | 10 | 5.845.918.027 | 1.453.660.716 | 7.299.578.743 |

Thái Nguyên, ngày 29 tháng 5 năm 2020

Người lập biểu

HÀ THỊ HẢI YẾN

Kế toán trưởng

ĐẶNG THIỆU HOA

Tổng Giám đốc



DƯƠNG HỮU HIẾU